**ÔN TẬP NGỮ VĂN 7 LÊN 8- KẾT NỐI TRI THỨC**

**PHẦN 2: TIẾNG VIỆT**

**HỌC KÌ 1**

**I. Kiến thức chung:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Kiến thức Tiếng Việt** | **Ví dụ** |
| **Bài 1: Bầu trời tuổi thơ** | **1. Nhận biết tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ**  - Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, được dùng để cung cấp thông tin về thời gian, địa điểm nơi chốn, mục đích, phương tiện, cách thức…của sự việc được nói đến trong câu.  - Trạng ngữ có thể là từ hoặc cụm từ.  - Tác dụng của mở rộng trạng ngữ: Giúp câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.  **2. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ**  ***a. Phân biệt thành phần chính với thành phần phụ:***  - Thành phần chính là những thành phần bắt buộc phải có mặt: CN, VN.  - Thành phần phụ không bắt buộc có mặt: trạng ngữ.  ***b. Vị ngữ:***  - VN là thành phần chính của câu;  - Kết hợp hợp với các phó từ: đã, sẽ, đang, sắp, từng, vừa, mới...  - Trả lời cho câu hỏi làm gì?, làm sao? là gì? như thế nào?  - Vị ngữ thường là một động từ hoặc một động từ, một tính từ hoặc một cụm tính từ, một danh từ hoặc một cụm danh từ. Trong câu có thể có một hay nhiều vị ngữ.  - Một câu có thể có 1 hoặc nhiều VN  ***c. Chủ ngữ:***  - CN biểu thị những sự vật có hành động, trạng thái, đặc điểm nêu ở VN.  - Trả lời cho câu hỏi con gì? cái gì? ai?  - Thường là danh từ hoặc cụm danh từ, đại từ. Trong một số trường cụ thể thì động từ, tính từ hoặc cụm động từ, cụm tính từ cũng có thể làm chủ ngữ.  ***d. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:*** giúp thông tin chứa đựng phong phú hơn. | **Ví dụ:**  + Trạng ngữ có cấu tạo là một từ. VD: ***Đêm***, trời mưa như trút nước.  + Trạng ngữ có cấu tạo là một cụm từ. VD: ***Đêm hôm đó***, trời mưa như trút nước.  ***Ví dụ:***  - (1) **Con mèo/ chạy**  ( chủ ngữ được cấu tạo bởi 1 danh từ, chỉ thông tin được tên sự vật( ***con mèo***); vị ngữ được cấu tạo bởi 1 động từ, chỉ thông tin được hoạt động của sự vật ( ***chạy***)  - (2**) Con mèo tam thể nhà em/ đang chạy trên mái nhà.**  ( chủ ngữ được cấu tạo bởi 1 cụm danh từ, thông tin được tên sự vật( ***con mèo***), đặc điểm sự vật ( ***tam thể***: màu lông), thuộc sở hữu ( ***nhà em***); vị ngữ được cấu tạo bởi 1 cụm động từ: thông tin được trạng thái- sự tiếp diễn ( ***đang***), hoạt động của sự vật ( ***chạy***) và địa điểm hoạt động ( ***trên mái nhà***). |
| **Bài 2: Khúc nhạc tâm hồn** | **Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh**  **1. Khái niệm:** Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách nói làm giảm nhẹ mức độ, quy mô, tính chất,.. của đối tượng, hoặc tránh trình bày trực tiếp điều muốn nói để khỏi gây cảm giác đau buồn, ghê sợ hay để giữ phép lịch sự.  **2. Cách sử dụng nói giảm nói tránh:** Cần sử dụng linh hoạt đúng lúc, đúng chỗ. | **Ví dụ:**  Nhưng buồn nhất là mẹ tôi cũng đã ***khuất núi***.  ( Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*)  Dùng từ ***khuất núi*** thay cho từ ***chết*** để giảm cảm giác đau buồn |
| **Bài 3: Cội nguồn yêu thương** | **1. Số từ:** Số từ là những từ chỉ ý nghĩa số lượng và thứ tự của sự vật.  **\* Phân loại:**  - Số từ chỉ số lượng  - Số từ chỉ số thứ tự.  ***\* Chú ý*:** Cần phân biệt số từ với những danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng.  Ví dụ: Mỗi thứ một đôi | **Ví dụ:**  - Số từ chỉ số lượng: VD: một tuần  - Số từ chỉ số thứ tự. VD: Tuần thứ nhất |
| **2. Phó từ:**  **a. Khái niệm:** Phó từ là những từ chuyên đi kèm danh từ, động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ.  VD: đã, sẽ, cũng, hãy, đừng, chớ…  **b. Phân loại:** Dựa vào khả năng kết hợp với danh từ, động từ, tính từ ta có thể chia phó từ làm 2 nhóm:  ***\* Phó từ đi kèm danh từ:*** Phó từ làm thành tố phụ trước cho danh từ và bổ sung ý nghĩa về số lượng của sự vật. Đó là các từ: những, các, mọi, mỗi, từng..  ***Ví dụ:*** *Những bức vẽ ấy nhiều lắm.*  Phó từ những trước danh từ bức vẽ chỉ số lượng.  ***\* Phó từ đi kèm động từ, tính từ:*** Phó từ làm thành tổ phụ trước hoặc sau cho động từ, tính từ, bổ sung ý nghĩa liên quan đến hoạt động, trạng thái, đặc điểm nêu ở động từ hoặc tính từ.  - Phó từ đứng trước động từ, tính từ thường là những phó từ bổ sung về quan hệ thời gian, sự tương tự hay tiếp diễn, sự phủ định, sự cầu khiến,...  + Chỉ quan hệ thời gian có các từ: đã, đang, từng, mới, sắp, sẽ, vừa,...  + Chỉ mức độ có các từ: rất, lắm, bởi, cực kì...  + Chỉ sự tiếp diễn tương tự có các từ: cũng, vẫn, đều, cứ, còn,...  + Chỉ sự phủ định có các từ: không, vẫn chưa, chẳng,…  + Sự cầu khiến có các từ: đừng, hãy, chở,...  - Phó từ đứng sau động từ, tính từ thường là những phó từ bổ sung ý nghĩa về mức độ, khả năng, kết quả:  + Chỉ khả năng có các từ: mất, được, ...  + Chỉ kết quả, hướng có từ: vào, ra, được, lên, xuống,..  + Chỉ mức độ, có các từ: hay, lắm,quá, vô cùng, cực kỳ,....  ***Ví dụ:***  *(1) Hãy nhìn tôi đây!*  Phó từ hãy trước động từ nhìn chỉ sự cầu khiến, mệnh lệnh.  *(2) Em thông minh lắm.*  Phó từ lầm sau tính từ thông minh chỉ mức độ. | **Ví dụ:**  - ***Phó từ đi kèm danh từ:*** những, các, mọi, mỗi, từng  ***- Phó từ đi kèm động từ, tính từ:*** đã, sẽ, cũng, hãy, đừng, chớ… |
| **Bài 4: Giai điệu đất nước** | **Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh**  Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ trong đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là bối cảnh trong văn bản, gồm đơn vị ngôn ngữ đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh); hoặc là bối cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian,…mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. | **Ví dụ:**  Chẳng biết nước có giữ ngày, giữ tháng  Giữ bao nhiêu kỷ niệm giữa dòng trôi?  Hỡi con sông đã ***tắm*** cả đời tôi!  Tôi giữ mãi mối tình mới mẻ  -> Ngữ cảnh của từ “ tắm”:  - Chỉ hoạt động của con người  - Gợi sự trong xanh, mát lành, thanh bình của con sông bao bọ, nuôi dưỡng tâm hồn của tác giả. |
| **Bài 5: Màu sắc trăm miền** | **Từ ngữ địa phương:**  - Ngôn ngữ vùng miền (phương ngữ) là biến thể theo mỗi địa phương của một ngôn ngữ, được thể hiện chủ yếu trên các phương diện ngữ âm và từ vựng.  - Mỗi phương ngữ có những đặc điểm riêng về ngữ âm, thể hiện qua cách phát âm của người dân mỗi địa phương. Đặc biệt, trong mỗi phương ngữ bao giờ cũng có một số từ ngữ không có nghĩa tương đương trong ngôn ngữ toàn dân. | **Ví dụ:** nhút (phương ngữ Trung), chôm chôm (phương ngữ Nam) hoặc có nghĩa tương đương nhưng có hình thức ngữ âm khác biệt như cá quả, lợn, ngã (phương ngữ Bắc), cá tràu, heo, bổ (phương ngữ Trung), cá lóc, heo, té (phương ngữ Nam). |

**II. Luyện tập:**

**1. Bài tập về mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ:**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1:**  **Bài 1: Xác định và nêu tác dụng của thành phần trạng ngữ trong các câu sau:**  a) Khoảng hai giờ sáng, Mon tỉnh giấc  b) Hàng năm vào mùa nước cạn, giữa sông làng nổi lên một bãi cát.  c) Và bất chợt một đêm nào gần sáng, sấm nổ vang trên nóc nhà và mưa ném xuống.  d) Khi vòng vây của nước ập vào phần cuối cùng của bãi cát thì những con chim chìa vôi non lần đầu tiên trong đời đập cánh bay lên.  e) Và đến mùa khô sang năm chúng lại ra dải cát nổi bắt đầu mùa sinh nở của chúng.  **Bài 2: Điền trạng ngữ thích hợp vào những chỗ trống sau:**  a) … trời mưa tầm tã,… trời lại nắng chang chang.  b) … cây cối đâm chồi nảy lộc:  c) … tôi gặp một người lạ mặt hỏi đường đi chợ huyện.  d) … họ chạy về phía có đám cháy.  đ) … em làm sai mất bài toán cuối.  **Bài 3: Xác định trạng ngữ trong những câu sau và thử mở rộng những trạng ngữ em vừa tìm được:**  a) Chiều, bọn trẻ lại ra sông tắm.  b) Mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc.  c) Sớm, chim chóc hót líu lo.  d) Trên đường, mọi người đi ra đồng.  **Bài 4:** Cho câu: Những chiếc lá xanh biếc như ngọc bích. Hãy tạo ra 3 câu có trạng ngữ chỉ: thời gian, nơi chốn, nguyên nhân.  **Gợi ý:**  **Bài 1:**  a)Khoảng hai giờ sáng, Mon tỉnh giấc  - Trạng ngữ: Khoảng hai giờ sáng  - Tác dụng: chỉ thời gian  b) Hàng năm vào mùa nước cạn, giữa sông làng nổi lên một bãi cát.  - Trạng ngữ: Hàng năm vào mùa nước cạn, giữa sông làng  - Tác dụng: chỉ thời gian, địa điểm  c) Và bất chợt một đêm nào gần sáng, sấm nổ vang trên nóc nhà và mưa ném xuống.  - Trạng ngữ: một đêm nào gần sáng  - Tác dụng: chỉ thời gian  d) Khi vòng vây của nước ập vào phần cuối cùng của bãi cát thì những con chim chìa vôi non lần đầu tiên trong đời đập cánh bay lên.  - Trạng ngữ: Khi vòng vây của nước ập vào phần cuối cùng của bãi cát  - Tác dụng: chỉ thời gian  e) Và đến mùa khô sang năm chúng lại ra dải cát nổi bắt đầu mùa sinh nở của chúng.  - Trạng ngữ: đến mùa khô sang năm  - Tác dụng: chỉ thời gian  **Bài 2: Điền trạng ngữ thích hợp vào những chỗ trống sau:**  a) ***Buổi sáng***, trời mưa tầm tã, ***buổi chiều*** trời lại nắng chang chang.  b) ***Mùa xuân***, cây cối đâm chồi nảy lộc:  c) ***Hôm nay*** tôi gặp một người lạ mặt hỏi đường đi chợ huyện.  d) ***Rất nhanh***, họ chạy về phía có đám cháy.  e) ***Giờ kiểm tra***, em làm sai mất bài toán cuối.  **Bài 3: Xác định trạng ngữ trong những câu sau và thử mở rộng những trạng ngữ em vừa tìm được:**  a) Chiều, bọn trẻ lại ra sông tắm.  - Trạng ngữ: *Chiều*  - Mở rộng trạng ngữ: *Cứ mỗi buổi chiều*  b) Mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc.  - Trạng ngữ: *Mùa xuân*  - Mở rộng trạng ngữ: *Khi mùa xuân về*  c) Sớm, chim chóc hót líu lo.  - Trạng ngữ: *Sớm*  - Mở rộng trạng ngữ: *Mới sáng sớm*  d) Trên đường, mọi người đi ra đồng.  - Trạng ngữ: *Trên đường*  - Mở rộng trạng ngữ: *Trên con đường quê rợp bóng mát*  **Bài 4:** Cho câu: Những chiếc lá xanh biếc như ngọc bích.  - ***Mùa xuân đến,*** những chiếc lá xanh biếc như ngọc bích. ***( Trạng ngữ chỉ thời gian)***  - ***Trên ngọn cây cao,*** những chiếc lá xanh biếc như ngọc bích. ***( Trạng ngữ chỉ nơi chốn)***  - ***Nhờ mưa xuân,*** những chiếc lá xanh biếc như ngọc bích. ***( Trạng ngữ chỉ nguyên nhân)*** |

|  |
| --- |
| **BÀI TẬP VỀ NHÀ**  **Bài tập 1:**So sánh các câu trong từng cặp câu dưới đây và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ:   1. - Đêm, mẹ không ngủ được.   - Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được.  ( Lí Lan)  b) - Năm nay, trên đường, ngồi trên xe, tôi lại trông thấy hoa súng lần thứ ba.  - Rồi năm nay cách ngày ấy một năm, trên một con đường gập ghềnh, ngồi trên xe đạp, tôi lại trông thấy hoa súng lần thứ ba.  (Đinh Gia Phong)  c) - Trong vỏ, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ.  - Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ.  **Bài tập 2:** Hãy rút gọn thành phần vị ngữ trong những câu sau và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi rút gọn:  a) Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng rộng.  b) Gió cũng bắt đầu thổi rao rao theo với khối mặt trời đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất.  c) Đồng quê đang xanh thẫm.  d) Trâu tôi đi đủng đỉnh.  **Bài tập 3:** Cho các từ: lăn, bay, quả, rơi. Hãy mở rộng thành các cụm từ và đặt câu với những cụm từ vừa tìm được.  **Bài tập 3:**  Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng trạng ngữ. Chỉ ra các trạng ngữ đó và cho biết chúng bổ sung ý nghĩa gì cho câu.  **Gợi ý:**  **Bài tập 1:**  a) Tảng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông.  - Trạng ngữ: *Tảng sáng*  - Bổ sung ý nghĩa: *chỉ thời gian*  b) Ven rừng, rải rác những cây lim đã trổ hoa vàng, những cây vải thiều đã đỏ ối những quả.  - Trạng ngữ: *Ven rừng*  - Bổ sung ý nghĩa: *chỉ địa điểm*  c) Hằng ngày, cậu lăn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lăn sau đàn bò về chuồng. Bò con nào con nấy bụng no căng.  - Trạng ngữ: *Hằng ngày*  - Bổ sung ý nghĩa: *chỉ thời gian*  d) Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng – những màu vàng rất khác nhau.  - Trạng ngữ: *Mùa đông, giữa ngày mùa*  - Bổ sung ý nghĩa: *chỉ thời gian*  **Bài tập 2:**So sánh các câu trong từng cặp câu dưới đây và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ:   1. - Đêm, mẹ không ngủ được (1).   - Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được(2).  *-> Trạng ngữ của câu (1) là danh từ: “đêm” bổ sung ý nghĩa về thời gian. Trạng ngữ của câu (2) là cụm danh từ “Vào đêm trước ngày khai trường của con” là một cụm danh từ, trong đó danh từ trung tâm là “đêm”, phần phụ trước và phụ sau bổ sung thông tin về thời gian cụ thể cho “đêm” mà mẹ không ngủ được.*  b) - Năm nay, trên đường, ngồi trên xe, tôi lại trông thấy hoa súng lần thứ ba(1).  - Rồi năm nay cách ngày ấy một năm, trên một con đường gập ghềnh, ngồi trên xe đạp, tôi lại trông thấy hoa súng lần thứ ba(2).  *-> Trạng ngữ của câu (1) là các cụm danh từ: “Năm nay”, “trên đường”, cụm động từ “ngồi trên xe”, bổ sung ý nghĩa về thời gian, địa điểm, cách thức. Trạng ngữ của câu (2) mở rộng thêm cho các cụm danh từ và cụm động từ, góp phần bổ sung thêm thông tin về thời gian cụ thể cho “Năm nay”, đặc điểm cho “ đường” và tên phương tiện.*  c) - Trong vỏ, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ(1).  - Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ(2).  *-> Trạng ngữ của câu (1) là cụm danh từ: “Trong vỏ” bổ sung ý nghĩa về dịa điểm. Trạng ngữ của câu (2) “*Trong cái vỏ xanh kia*” là một cụm danh từ, trong đó danh từ trung tâm là “vỏ”, phần phụ trước và phụ sau bổ sung thông tin về địa điểm, đặc điểm của “vỏ”.*  **Bài tập 3:**  - Yêu cầu về nội dung: đoạn văn chủ đề bất kì  - Yêu cầu về hình thức:  + Đoạn văn  + Sử dụng trạng ngữ.  ***Đoạn văn tham khảo:***  Buổi sáng mùa xuân, cảnh vật như vừa lấy lại sức sống mới. Khí trời se lạnh, gió thổi man mác. Từng đợt gió nhẹ thoảng qua, cành lá khẽ lung lay để lộ ra những giọt sương long lanh huyền ảo. Mặt trời vừa mới nhô lên tỏa ánh nắng sưởi ấm vạn vật. Chim hót ríu rít đón chào ngày mới. Trong vườn, chị Hồng chợt tỉnh giấc rồi hòa vào đám bạn đang đua nhau khoe sắc. Các chú bướm bay rập rờn cùng bầy ong thợ chăm chỉ hút mật làm cho khu vườn thêm nhộn nhịp. Những bông hoa mai vàng thắm bừng nở báo hiệu một mùa xuân ấm áp đã đến. Khung cảnh khu vườn như một bức tranh thiên nhiên rực rỡ được họa sĩ nào đó vẽ lên.  - Trạng ngữ:  + Buổi sáng mùa xuân( bổ sung ý nghĩa về thời gian).  + Trong vườn ( bổ sung ý nghĩa về nơi chốn). |

**2. Bài tập về: Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Bài tập 1:** Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong những câu sau và cho biết cấu tạo của chúng.  a) Nó xoay mình sang phía anh nó.  b) Hai đứa bé nằm trong chiếc chăn dạ đã rách nhiều chỗ thì thầm nói chuyện.  c) Hàng năm vào mùa nước cạn, giữa sông làng nổi lên một dải cát.  d) Chỉ sau dăm đêm, dải cát nổi giữa sông chìm vào trong nước đỏ.  e) Những con chim bé bỏng bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay vào bờ.  g) Từ mặt nước sông, những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên.  **Bài tập 2:** Hãy mở rộng danh từ làm chủ ngữ trong những câu sau thành cụm danh từ.  a) Nó xoay mình sang phía anh nó.  b) Hai đứa bé nằm trong chiếc chăn dạ đã rách nhiều chỗ thì thầm nói chuyện.  c) Hàng năm vào mùa nước cạn, giữa sông làng nổi lên một dải cát.  d) Chỉ sau dăm đêm, dải cát nổi giữa sông chìm vào trong nước đỏ.  **Bài tập 3:** Hãy mở rộng vị ngữ trong những câu sau thành cụm từ và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi mở rộng:  a) Mùa thu, hoa cúc nở.  b) Trong vườn, đàn bướm bay lượn.  c) Chị gió thổi.  d) Hoa đẹp.  **Bài tập 4:** Viết một đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) có ít nhất một câu có vị ngữ là một cụm tính từ.  **Gợi ý:**  **Bài tập 1:** Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong những câu sau và cho biết cấu tạo của chúng.  a) Nó/ xoay mình sang phía anh nó.  CN (DT) VN (CĐT)  b) Hai đứa bé/ nằm trong chiếc chăn dạ đã rách nhiều chỗ thì thầm nói chuyện.  CN (CDT) VN (CĐT)  c) *Hàng năm vào mùa nước cạn, giữa sông làng* nổi lên/ một dải cát.  TN VN (CĐT) CN (CDT)  d) *Chỉ sau dăm đêm*, dải cát nổi giữa sông/ chìm vào trong nước đỏ.  TN CN (CDT) VN (CĐT)  e) Những con chim bé bỏng/ bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay vào bờ.  CN (CDT) VN (CĐT)  g) *Từ mặt nước sông*, những cánh chim bé bỏng và ướt át/ đột ngột bứt khỏi  TN CN (CDT) VN (CĐT)  dòng nước khổng lồ bay lên.  **Bài tập 2:** Hãy mở rộng danh từ làm chủ ngữ trong những câu sau thành cụm danh từ.  a) Con chim/ sải cánh bay nhanh về phía chân trời xa.  ***Những con chim / sải cánh bay nhanh về phía chân trời xa.***  b) Đứa trẻ/ lang thang trên con đường hoang vắng.  ***Đứa trẻ mồ côi/ lang thang trên con đường hoang vắng.***  c) Hàng ngày, ong/ bay lượn trên giàn hoa kiếm mật.  ***Hàng ngày, những con ong/ bay lượn trên giàn hoa kiếm mật.***  d) Một ngày mùa đông, chim/ kéo về làm tổ trên cây sung già.  ***Một ngày mùa đông, đàn chim sẻ/ kéo về làm tổ trên cây sung già.***  **Bài tập 3:** Hãy mở rộng vị ngữ trong những câu sau thành cụm từ và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi mở rộng:  a) Mùa thu, hoa cúc/ nở.  ***Mùa thu, hoa cúc/ nở vàng rực rỡ cả khu vườn.***  b) Trong vườn, đàn bướm/ bay lượn.  ***Trong vườn, đàn bướm/ bay lượn rập rờn.***  c) Chị gió/ thổi.  ***Chị gió/ thổi.***  d) Hoa/ đẹp.  ***Hoa/ đẹp.***  **Bài tập 4:** Viết một đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) có ít nhất một câu có vị ngữ là một cụm tính từ.   Buổi sớm, những luống hoa thi nhau khoe sắc trong vườn. Giàn thiên lý trổ hoa vàng lốm đốm đang nằm dưới nắng trên chiếc giàn xinh xắn mà ông tôi làm. Hoa lan nở từng chùm trắng xóa. Chùm hoa còn đọng lại những giọt sương long lanh như được một bàn tay khéo léo nào đó chạm trên cánh hoa những hạt châu ngọc. Những ngọn lửa cháy lên bập bùng trong tán lá xanh của hàng râm bụt. Hoa hồng kiêu sa, hoa cẩm chướng mùi thơm nồng nồng. ***Dưới ánh nắng ban mai, những đóa cúc sáng rực lên như những viên kim cương.***  **Chủ ngữ: *Những đoá cúc***  **Vị ngữ: *sáng rực lên như những viên kim cương ( cụm tính từ)*** |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Bài tập 1:** Chủ ngữ trong các câu sau là một cụm từ. Hãy thử hãy rút gọn các cụm từ này.  a) Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, một bầy chim hàng nghìn con vọt cất cánh bay lên.  b) Những con chim nhỏ bay vù vù kêu líu ríu lượn vòng trên cao một chốc, lại đáp xuống phía sau lưng chúng tôi.  c) Những con ong vẫn nối cánh nhau bay đi bay về trên tổ, trước mặt chúng tôi kia.  d) Lâu lâu, vài ba trái quả vàng rụng rơi lộp bọp, lăn vào cạnh chân tôi như hòn bi.  **Bài tập 2:** Hãy rút gọn thành phần vị ngữ trong những câu sau và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi rút gọn:  a) Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng rộng.  b) Gió cũng bắt đầu thổi rao rao theo với khối mặt trời đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất.  c) Đồng quê đang xanh thẫm.  d) Trâu tôi đi đủng đỉnh.  **Bài tập 3:** Cho các từ: lăn, bay, quả, rơi. Hãy mở rộng thành các cụm từ và đặt câu với những cụm từ vừa tìm được.  **Gợi ý:**  **Bài tập 1:** Chủ ngữ trong các câu sau là một cụm từ. Hãy thử hãy rút gọn các cụm từ này.  a) Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, một bầy chim hàng nghìn con vọt cất cánh bay lên.  Chủ ngữ: *một bầy chim hàng nghìn con* -> *bầy chim*  b) Những con chim nhỏ bay vù vù kêu líu ríu lượn vòng trên cao một chốc, lại đáp xuống phía sau lưng chúng tôi.  Chủ ngữ: *Những con chim nhỏ* -> *con chim*  c) Những con ong vẫn nối cánh nhau bay đi bay về trên tổ, trước mặt chúng tôi kia.  Chủ ngữ: *Những con ong* -> *con ong*   1. Lâu lâu, vài ba trái quả vàng rụng rơi lộp bọp, lăn vào cạnh chân tôi như hòn bi.   Chủ ngữ: *vài ba trái quả vàng* -> *trái quả*  **Bài tập 2:** Hãy rút gọn thành phần vị ngữ trong những câu sau và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi rút gọn:  a) Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng rộng.  Rút gọn: Chúng tôi tiếp tục/ đi  -> Sau khi rút gọn, phần vị ngữ không thông báo được địa điểm mà hoạt động “đi” hướng tới.  b) Gió cũng bắt đầu thổi rao rao theo với khối mặt trời đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất.  Rút gọn: Gió cũng bắt đầu/ thổi  -> Sau khi rút gọn, phần vị ngữ không miêu tả được âm thanh tiếng gió thổi và hình ảnh mặt trờinhwu câu trước đó.  c) Đồng quê đang xanh thẫm.  Rút gọn: Đồng quê đang/ xanh  -> Sau khi rút gọn, phần vị ngữ không miêu tả được mức độ, đặc điểm màu sắc của cánh đồng.  d) Trâu tôi đi đủng đỉnh.  Rút gọn: Trâu tôi/ đi  -> Sau khi rút gọn, phần vị ngữ không miêu tả được dáng vẻ của hoạt động “ đi”  **Bài tập 3:**  a) Lăn-> Đang lăn qua lăn lại trên nền nhà.  Đặt câu: Em bé *đang lăn qua lăn lại trên nền nhà.*  b) Bay-> bay vù vù trên cây.  Đặt câu: Đàn ong *bay vù vù trên cây.*  c) Quả-> Những quả ổi chín mọng.  Đặt câu: *Những quả ổi chín mọng* đang toả hương thơm ngát  d) Rơi-> Rơi xuống rãnh nước.  Đặt câu: Quả bóng *rơi xuống rãnh nước.* |

**3. Bài tập về Biện pháp tu từ** **Nói giảm nói tránh:**

|  |
| --- |
| **Bài tập 1:** Trong các tình huống sau, em sẽ lựa chọn cách nói như thế nào?  a. Bạn hào hứng khoe em một chiếc áo mới mà bạn tự cho là rất đẹp, còn em lại thấy chiếc áo có phần hở hang nên em không thích.  b. Ai đó khoe với em một bài thơ vừa làm nhưng em thấy bài thơ không hay.  c. Khi em giảng bài cho bạn nhưng rất lâu bạn vẫn không hiểu. Có người hỏi em về sức học của bạn em sẽ nói như thế nào?  **Bài tập 2:** Phân tích hiệu quả tu từ của các biện pháp nói giảm nói tránh trong những phần trích sau:  a. Một lần bom nổ Khói đen rừng chiều Anh thành ngọn lửa Bạn bè mang theo  b. Bỗng loè chớp đỏ  Thôi rồi Lượm ơi  c. Bác đã lên đường theo tổ tiên.  d. Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác.  **Bài tập 3:** **Tìm cách diến đạt sao cho tế nhị.**  Ví dụ: Bài thơ của anh dở lắm! -Bài thơ của anh chưa được hay lắm **Bài tập 4:** Viết đoạn văn sử dụng biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.   * **Gợi ý:**   **Bài tập 1:** Trong các tình huống sau, em sẽ lựa chọn cách nói như thế nào?  a. Bạn hào hứng khoe em một chiếc áo mới mà bạn tự cho là rất đẹp, còn em lại thấy chiếc áo có phần hở hang nên em không thích.  - *Nếu chiếc áo này kín đáo thêm chút nữa thì mình thấy rất đẹp.*  b. Ai đó khoe với em một bài thơ vừa làm nhưng em thấy bài thơ không hay.  - Bài thơ sẽ rất hay nếu bạn chau chuốt từ ngữ hơn.  c. Khi em giảng bài cho bạn nhưng rất lâu bạn vẫn không hiểu. Có người hỏi em về sức học của bạn em sẽ nói như thế nào?  - Bạn ấy rất chịu khó nhưng tiếp thu còn hơi chậm.  **Bài tập 2:** Phân tích hiệu quả tu từ của các biện pháp nói giảm nói tránh trong những phần trích sau:  a. ***Anh thành ngọn lửa:*** người chiến sĩ hi sinh vì bom nổ  Tác dụng: tránh cảm giác đau buồn, xót thương  b. Bỗng loè chớp đỏ  ***Thôi rồi*** Lượm ơi  - Thôi rồi: chết rồi ( tránh đau buồn)  c. Bác đã ***lên đường theo tổ tiên***.  - Lên đường theo tổ tiên (đã mất): tránh đau buồn  d. Con ở miền Nam ra ***thăm*** lăng Bác.  - Thăm( viếng): tránh đau buồn và thể hiện tình cảm thân mật, kính yêu đối với Bác.  **Bài tập 3:** **Tìm cách diến đạt sao cho tế nhị.**  Ví dụ: Bài thơ của anh dở lắm! -Bài thơ của anh chưa được hay lắm 1. Anh lười học quá!  – Anh học không được siêng lắm! 2. Hành động của anh xấu.  - Hành dộng của anh không được đẹp 3. Con người anh nông cạn.  - Con người anh chưa được sâu sắc lắm 4. Anh học còn kém lắm.  - Anh cần phải cố gắng học hơn nữa 5. Lời nói của anh đầy ác ý.  - Lời nói của anh thiếu thiện chí.  **Bài tập 4:** Viết đoạn văn sử dụng biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.  ***\* Đoạn văn tham khảo:***  Đất nước ta trải qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. đó là truyền thống từ xa xưa đã có. trải qua biết bao thăng trầm lịch sử mới có ngày hôm nay. Tự do- 2 tiếng thiêng liêng quá, có lẽ rằng không ai có thể biết được cái giá phải trả cho nó lớn như thế nào. Biết bao thế hệ, lớp lớp ra đi lên đường nhập ngũ để rồi chiến đấu và hy sinh. Các anh đã ngã xuống vì tự do, hòa bình của dân tộc.  ( Hy sinh, ngã xuống - là cách nói giảm nói tránh thay cho cái chết để làm giảm bớt sự đau thương, mất mát). |

**4. Bài tập về Số từ:**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Bài tập 1 :** Tìm số từ trong các câu sau:  a. Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc.  b. Hàng năm vào mùa nước cạn, giữa sông làng nổi lên một dải cát.  c. Hai đứa bé nằm trong chiếc chăn dạ đã rách nhiều chỗ thì thầm nói chuyện.  d. Vào lúc đó, những con chim chìa vôi mảnh khảnh và ít lời từ hai bờ sông bay ra bãi cát.  e. Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, một bầy chim hàng nghìn con vọt cất cánh bay lên.  **Bài tập 2 :** Tìm số từ chỉ lượng ước chừng trong những câu sau:  a. Chỉ sau dăm đêm, dải cát nổi giữa sông chìm vào trong nước đỏ.  b. Mấy ngày mưa liên miên và nước sông dâng lên rất nhanh.  c. - Vậy chớ mấy bữa nay, má nói gì cho mày nghe đó?  d. Mấy con gầm ghì sắc lông màu xanh đang tranh nhau với bầy vẹt mỏ đỏ, giành mổ những quả chín trên cây bồ đề.  e. Lâu lâu, vài ba trái quả vàng rụng rơi lộp bộp, lăn vào cạnh chân tôi như hòn bi.  **Bài tập 3 :** Tìm 3 số từ và đặt câu với những số từ đó.  **Bài tập 4 :** Viết đoạn văn có sử dụng số từ.  ***\* Gợi ý:***  **Bài tập 1 :**  a. Khoảng **hai** giờ sáng Mon tỉnh giấc.  b. Hàng năm vào mùa nước cạn, giữa sông làng nổi lên **một** dải cát.  c. **Hai** đứa bé nằm trong chiếc chăn dạ đã rách nhiều chỗ thì thầm nói chuyện.  d. Vào lúc đó, những con chim chìa vôi mảnh khảnh và ít lời từ **hai** bờ sông bay ra bãi cát.  e. Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, **một** bầy chim hàng nghìn con vọt cất cánh bay lên.  **Bài tập 2 :**  a. Chỉ sau **dăm** đêm, dải cát nổi giữa sông chìm vào trong nước đỏ.  b. **Mấy** ngày mưa liên miên và nước sông dâng lên rất nhanh.  c. - Vậy chớ **mấy** bữa nay, má nói gì cho mày nghe đó?  d. **Mấy** con gầm ghì sắc lông màu xanh đang tranh nhau với bầy vẹt mỏ đỏ, giành mổ những quả chín trên cây bồ đề.  e. Lâu lâu, **vài ba** trái quả vàng rụng rơi lộp bộp, lăn vào cạnh chân tôi như hòn bi.  **Bài tập 3 :** Tìm 3 số từ và đặt câu.  - Năm: Tôi có năm quyển sách  - Ba: Tôi là con thứ ba trong nhà  - Hai: Hai cha con lầm lũi bước đi  **Bài tập 4 :** Viết đoạn văn có sử dụng số từ.  ***Đoạn văn tham khảo:***  Mùa thu, bầu trời trở nên trong xanh hơn. Thu đến hương ổi trong vườn cũng đã lan tỏa thơm lừng. Rồi những cơn gió se se lạnh xuất hiện không còn cái cảm giác nắng nóng như của mùa hè nữa. Tất cả dường như thật dịu nhẹ nên thơ. Mùa thu đến, cây cối cũng khác, lá vàng đi. Có những cây lá vàng vọt, **một** cơn gió mạnh cũng có sức khiến cây trơ trụi. Mùa thu đến cũng đồng nghĩa với chúng em được tựu trường và đón chào **một** năm học bổ ích, lý thú đến. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Bài tập 1 :** Tìm số từ trong những câu sau và cho biết đâu là số từ chỉ số lượng, đâu là số từ chỉ thứ tự:  a.  Một canh… hai canh… lại ba canh,  Trằn trọc băn khoăn, giấc chẳng thành;  Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,  Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.                                       (Hồ Chí Minh)  b. Một cây làm chẳng nên non  Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.  ( Ca dao)  c. Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo và sáng sủa.  d. Quê hương của chị ở đất Hưng Yên, quê hương thứ hai của chị ở nông trường Hồng Cúm, hạnh phúc mà chị đã mất từ bảy, tám năm nay, ai ngờ chị lại tìm thấy ở một nơi mà chiến tranh xảy ra ác liệt nhất.  ( Nguyễn Khải)  **Bài tập 2 : Các từ in đậm trong hai dòng thơ sau được dùng với ý nghĩa như thế nào?**          Con đi trăm núi ngàn khe,  Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm.                                              (Tố Hữu)  **Bài tập 3 :** Những từ đôi, tá, cặp, chục giống và khác với số từ như thế nào?  **\* Gợi ý:**  **Bài tập 1 :**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý** | **Số từ chỉ số lượng** | **Số từ chỉ thứ tự** | | a | **Một** (canh), **hai**(canh), **ba**(canh), **năm** (cánh) | (Canh) **bốn**, (canh) **năm** | | b | **Một** (cây), **ba**(cây) |  | | c | **một** (ngày) | (thứ) **năm** | | d | **bảy, tám** (năm) | (thứ) **hai** |   **Bài tập 2 :** Trăm, ngàn, muôn… được dùng với ý nghĩa số từ chỉ số lượng nhiều, rất nhiều, nhưng không chính xác.  **Bài tập 3 :**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **đôi, tá, cặp, chục** | **số từ** | | Giống nhau | đều chỉ số lượng | | | Khác nhau | Có thể kết hợp với số từ phía trước nó: *một đôi, hai đôi, ba đôi,...* | Không thể kết hợp thêm với số từ phía trước nó. | |

**5. Bài tập về Phó từ:**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Bài tập 1:** Xác định phó từ và ý nghĩa của phó từ trong đoạn văn sau:  “ *Biển vẫn gào thét. Gió vẫn từng cơn đẩy nước dồn ứ lại rồi đột ngột dãn ra. Con tàu vẫn lặn hụp như con cá kình giữa muôn nghìn lớp sóng.Thuyền trưởng Thắng vẫn điềm tĩnh chỉ huy đoàn tàu vượt cơn lốc dữ”*  **Bài tập 2:** Tìm phó từ trong đoạn trích và xác định ý nghĩa của phó từ đó?  “ *Thưa anh, em cũng muốn khôn nhưng không khôn được. Đụng đến việc là em thở rồi không còn hơi sức đâu mà đào bới nữa. Lắm khi em cũng nghĩ nỗi nhà cửa như thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã nghĩ ròng rã hàng mấy tháng cũng không biết làm thế nào. Hay là bây giờ em nghĩ thế này…”*  **Bài tập 3:** Các từ gạch chân trong từng câu dưới đây bổ sung ý nghĩa gì cho ĐT đứng trước nó :  a. Tuy rét ***vẫn*** kéo dài nhưng mùa xuân ***đã*** đến.  b. Những cành cây ***đang*** trổ lá, lại ***sắp*** buông toả những tán hoa.  **Bài tập 4:** Viết đoạn văn khoảng 3-5 câu, trong đoạn có sử dụng phó từ.  ***Gợi ý:***  **Bài tập 1:** Xác định phó từ và ý nghĩa của phó từ đó  - Vẫn: chỉ sự tiếp diễn của thiên nhiên và sự điềm tĩnh của thuyền trưởng Thắng  -> tính cách kiên định, không nao núng của người chỉ huy  **Bài tập 2:**  - cũng: chỉ sự tiếp diễn tương tự  - không: chỉ ý phủ định  - được : chỉ kết quả  - không( còn..đâu): chỉ ý phủ định  - cũng : chỉ sự tiếp diễn tương tự  - đã: chỉ quan hệ thời gian  - không( biết): chỉ ý phủ định  **Bài tập 3:**  - ***vẫn*** : bổ sung ý nghĩa tiếp diễn.  - ***đã*** : bổ sung ý nghĩa thời gian ( quá khứ )  - ***đang*** : bổ sung ý nghĩa thời gian ( hiện tại )  - ***sắp*** : bổ sung ý nghĩa thời gian 9 tương lai ).  **Bài tập 4:**  ***Tham khảo:***  Một hôm, trời mưa rất to. Bỗng chị Cốc từ dưới hồ bay lên đậu cạnh nhà Dế Mèn. Thấy thế, Dế Mèn cất giọng trêu chị Cốc rồi chui tọt vào hang. Chị Cốc cực kì bực mình, bèn đi tìm kẻ trêu mình. Tìm mãi không thấy ai. Nhưng rồi bất thình lình chị nhìn thấy Dế Choắt đang loay hoay trước cửa hang. Chị trút cơn giận lên đầu Dế Choắt.  Phó từ:  - Rất cực kì: chỉ mức độ  - Bỗng, bất thình lình- chỉ tình thái  - Vào chỉ kết quả và hướng  - Không: chỉ dự phủ định  - Đang- chỉ quan hệ thời gian |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Bài tập 1:** Tìm các phó từ bổ sung ý nghĩa cho danh từ trong câu sau:  a. Những lúc ấy, thầy Đuy-sen đã bế các em qua suối.  b. Tuy chúng tôi còn bé, nhưng tôi nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đều đã hiểu được những điều ấy. c. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ mười tám nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ được gì đến chuyện đanh nhau nữa. Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp xin hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.- Lượng từ: các, nhưng, cả mấy.( chỉ lượng ít hay nhiều)d. Vua sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi làm sao cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hẹn năm sau phải đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội. **Bài tập 2:** Tìm các phó từ bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ trong câu sau:  a. Và tôi không nghĩ ra được cách gì hơn là thay mặt bà An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va để kể hết chuyện này.  b. Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì?  c. Những cành xoan đứng khẳng khiu đương trổ lá lại sắp buông tỏa ra những tàn sang sáng, tim tim.  d. Ngoài kia, rặng râm bụt cũng sắp có nụ.  **Bài tập 3:** Chỉ ra các phó từ đi kèm với danh từ trong các đoạn trích sau:  a. Dường như cả cuộc đời vất vả của má, mọi ý nghĩ lặng lẽ trong đêm của má, cả những nguy hiểm gian lao mà má đã trải qua một cách không hề sợ hãi đó, tất cả đều được gom lại và dồn vào trong ý nghĩ cuối cùng này.  ( Nguyễn Thi)  b. Những mũi gai thép đâm, những vết nứa cứa, những chấm đen ở lỗ chân lông của bệnh sốt rét rừng, màu xanh của thiếu ăn và bệnh tật đều đã được những lớp tế bào mới, những dòng máu mới xóa tan đi, thay thế.  ( Nguyễn Khải)  **Bài tập 4:** Trong đoạn trích sau, phó từ hãy được lặp lại mấy lần? Cho biết tác dụng của việc lặp lại phó từ này.  *Và những khi ấy tôi nghĩ: Hãy nhìn đi, hãy nghiên cứu, chọn lọc. Hãy vẽ hai cây phong*  *của Đuy-sen và An-tư-nai, chính hai cây phong đã cho tuổi thơ của mày bấy nhiêu giây phút sướng vui, mặc dù mày không biết rõ sự tích của chúng. Hãy vẽ một đứa bé đi chân không, da rám nắng. Nó trèo lên cao, thật là cao và ngồi lên một cành phong, đôi mắt hân hoan nhìn vào cõi xa xăm kì ảo.*  *[....] Nếu không, thì hãy vẽ người thầy giáo tiễn An-tư-nai lên tỉnh. Mày còn nhớ khi ông cất tiếng gọi An-tư-nơi lần cuối cùng! Hãy vẽ một bức tranh như thế, sao cho bức tranh ấy giống như tiếng gọi của Đuy-sen mà đến nay An-tư- nai vẫn còn nghe vẳng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người.*  (Ai-tơ-ma-tôp)  **Bài tập 5:** Viết đoạn văn khoảng 3-5 câu, trong đoạn có sử dụng phó từ bổ sung ý nghĩa cho danh từ.  ***Gợi ý:***  **Bài tập 1:** Tìm các phó từ bổ sung ý nghĩa cho danh từ trong câu sau:  a. những, các  b. những c. các, những, cả mấyd. cả **Bài tập 2:** Tìm các phó từ bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ trong câu sau:  a. Và tôi không nghĩ ra được cách gì hơn là thay mặt bà An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va để kể hết chuyện này.  + Phó từ ***không***: bổ sung ý nghĩa chỉ sự phủ định.  b. Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì?  + Phó từ ***sẽ*** bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian.  c. Những cành xoan đứng khẳng khiu đương trổ lá lại sắp buông tỏa ra những tàn sang sáng, tim tim.  + Phó từ đương, sắp, bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian.  + Phó từ lại, bổ sung ý nghĩa chỉ sự tiếp diễn tương tự.  + Phó từ ra, bổ sung ý nghĩa chỉ kết quả và hướng.  d. Ngoài kia, rặng râm bụt cũng sắp có nụ.  + Phó từ cũng, bổ sung ý nghĩa chỉ sự tiếp diễn tương tự.  + Phó từ sắp, bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian.  **Bài tập 3:**  a. Dường như **cả** cuộc đời vất vả của má, **mọi** ý nghĩ lặng lẽ trong đêm của má, **cả những** nguy hiểm gian lao mà má đã trải qua **một** cách không hề sợ hãi đó, **tất cả** đều được gom lại và dồn vào trong ý nghĩ cuối cùng này.  ( Nguyễn Thi)  b. **Những** mũi gai thép đâm, **những** vết nứa cứa, **những** chấm đen ở lỗ chân lông của bệnh sốt rét rừng, màu xanh của thiếu ăn và bệnh tật đều đã được **những** lớp tế bào mới, **những** dòng máu mới xóa tan đi, thay thế.  ( Nguyễn Khải)  **Bài tập 4:**  - Phó từ hãy trong đoạn trích trên được lặp lại 6 lần.  - Tác dụng của việc lặp lại phó từ này là nhấn mạnh, thúc giục, thuyết phục, động viên và làm cho câu văn giàu nhịp điệu hơn.  **Bài tập 5:** ***Đoạn văn tham khảo:***  Mùa thu, bầu trời trở nên trong xanh hơn. **Từng** đàn chim bay chao qua chao lại như đang dệt cửi. Xa xa, cánh đồng lúa chín trải dài vô tận. **Các** bác nông dân **từng** tốp đi thăm đồng. |

**6. Bài tập về Ngữ cảnh:**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Bài tập 1:** Giải thích nghĩa của các từ in đậm trong những dòng thơ sau, dựa vào ngữ cảnh nào mà em lại xác định được nghĩa của những từ đó?  a. *Gặp đây* ***mận*** *mới hỏi* ***đào****,*  ***Vườn hồng*** *đã có ai* ***vào*** *hay chưa?*  *Mận hỏi thì đào xin thưa,*  *Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào!*  *( Ca dao)*  b. “***Người Cha*** *mái tóc bạc*  *Đốt lửa cho anh nằm”*  *( Tố Hữu)*  c.  *Nước non lận đận một mình*  ***Thân cò*** *lên thác, xuống ghềnh bấy nay.*  *( Ca dao)*  d.  ***Thuyền*** *về có nhớ* ***bến*** *chăng*  *Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*  *( Ca dao)*  **Bài tập 2:** Trong ngôn ngữ có hiện tượng đồng âm (khác nghĩa). Nhưng khi từ được dùng trong ngữ cảnh thì nhờ ngữ cảnh mà từ có tính xác định về nghĩa. Căn cứ vào ngữ cảnh của những câu thơ dưới đây, hãy giải thích nghĩa của những từ in đậm:  a.  "Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,  Một bàn cờ thế phút sa tay  Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ **chạy**  Mất ổ bầy chim dáo dác bay".  ( *Chạy giặc*, Nguyễn Đình Chiểu)  b.  Van nợ lắm khi tràn nước mắt  **Chạy** ăn từng bữa toát mồ hôi  (*Than nghèo*, Trần Tế Xương)  c.  Tựa gối ôm **cần** lâu chẳng được   Cá đâu đớp động dưới chân bèo”  (*Câu cá mùa thu*, Nguyễn Khuyến)  **\* Gợi ý:**  **Bài tập 1:**  a.  **Mận:** chỉ người con trai  **Đào:** chỉ người con gái  **“Vườn hồng”**: khu vườn tình yêu của chàng trai cô gái, nó cũng chính là trái tim của người con gái kia.  **Ngữ cảnh:** Dựa vào từ “ hỏi”, “ xin thưa”: người con trai thường chủ động, người con gái thường e ấp, lễ phép.  (Chàng trai đang tìm hiểu về cô gái, hỏi như vậy chàng trai muốn biết rằng trong tim cô đã có bóng hình ai chưa).  b. “*Người Cha mái tóc bạc/ Đốt lửa cho anh nằm”*  **“*Người Cha*”:** nói về Bác Hồ.  **Ngữ cảnh:** Dựa vào cụm từ “ mái tóc bạc”, “ đốt lửa”:Trong một đêm mưa rừng, anh đội viên được Bác chăm sóc giống như người cha chăm sóc cho con. Gọi Bác là “người cha:, tác giả thể hiện tình cảm yêu thương, kính trọng, biết ơn của anh đội viên cũng như của mọi người dành cho Bác.  c.  *Nước non lận đận một mình*  *Thân cò lên thác, xuống ghềnh bấy nay.*  **“ Thân cò”** : người nông dân cả ngày lao động vất vả kiếm miếng ăn.  **Ngữ cảnh:** Trong xã hội xưa, người nông dân phải làm lụng vất vả quanh năm nhưng vẫn phải chịu kiếp sống lam lũ, khổ cực. Cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc mà còn bị bọn cường hào ác bá bóc lột.  d.  *Thuyền về có nhớ bến chăng*  *Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*  **“ thuyền, bến”** để chỉ người con trai và người con gái.  **Ngữ cảnh:** người con trai thường đi xa, nay đây mai đó (giống như con thuyền), còn người con gái thường ở nhà chờ đợi (bến). Tác giảbày tỏ nỗi niềm của cô gái luôn đợi chờ người yêu của mình.    **Bài tập 2:**  a. **Chạy:** Chỉ hoạt động di chuyển bằng chân  Văn cảnh: Giặc tới, mọi người lo sợ, chạy trốn  b. **Chạy ( ăn):** Nghĩa là chỉ sự lo toan tính toán  Văn cảnh: Vì nhà nghèo nên lo toan, tính toán từng bữa ăn.  c. ***Cần:*** cần câu cá.  Văn cảnh gồm nhiều từ ngữ nói về việc câu cá như đề bài (câu cá mùa thu), ao, cá, đớp động, chân bèo,… |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Bài tập 1:** Xác định ngữ cảnh của từ tắm trong khổ thơ sau:  Chẳng biết nước có giữ ngày, giữ tháng  Giữ bao nhiêu kỉ niệm giữa dòng trôi?  Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi!  Tôi giữ mãi mối tình mới mẻ  **Bài tập 2:** Cho tình huống: Trên đường đi, hai người không quen biết gặp nhau, một người hỏi: “Thưa bác, bác có đồng hồ không ạ?”. Trong ngữ cảnh đó, câu hỏi cần được hiểu như thế nào? Nó nhằm mục đích gì?  **Bài tập 3:** Tạo lập hai tình huống trong ngữ cảnh đang trong giờ kiểm tra, em gặp khó khăn, muốn bạn giúp đỡ với mục đích:  a. Em muốn bạn giúp mình hướng dẫn cách làm bài.  b. Em muốn mượn bút của bạn.  **\* Gợi ý:**  **Bài tập 1:** Ngữ cảnh của từ tắm trong dòng thơ (Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi!) không chỉ có nghĩa là động từ tắm – hoạt động của con người mà còn có nghĩa bổ sung gợi tất cả sự xanh trong, mát lành, thanh bình của con sông đã gắn bó, bao bọc, nuôi dưỡng tâm hồn nhà thơ suốt cả cuộc đời.  **Bài tập 2:**  Trong ngữ cảnh đó, câu hỏi cần được hiểu: người nói muốn biết giờ và muốn được người kia cho biết giờ.  **Bài tập 3:**  a. Em muốn bạn giúp mình hướng dẫn cách làm bài.  - Bài tập này khó quá!  b. Em muốn mượn bút của bạn.  - Bạn có mang hai bút không? |

**7. Bài tập về Từ ngữ địa phương:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Bài tập 1: Tìm từ ngữ địa phương và nêu từ toàn dân tương ứng:**  Ví dụ: Má – mẹ.  **Bài tập 2:** Tìm từ địa phương :  a) Sáng ra bờ suối, tối vào hang  Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.  (Hồ Chí Minh, *Tức cảnh Pác Bó*)  b) Khi con tu hú gọi bầy  Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần  Vườn râm dậy tiếng ve ngân  Bắp rây vàng hạt, dầy sân nắng đào.  (Tố Hữu, *Khi con tu hú*)  c) “Bầm ơi sớm sớm, chiều chiềuThương con bầm chớ lo nhiều bầm ơi” (Bầm ơi!” – Tố Hữu)  d) “Chuối đầu vườn đã lổCam đầu ngõ đã vàngEm nhớ ruộng nhớ vườnKhông nhớ anh răng được ! ”  **(“Thăm lúa” – Trần Hữu Thung)**   * **Gợi ý:**   **Bài tập 1: Tìm từ ngữ địa phương và nêu từ toàn dân tương ứng:**   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ địa phương** | **Từ ngữ toàn dân** | | má | mẹ | | tía | cha | | răng | sao | | rứa | thế | | dìa | về | | nẫu | người ta | | trái | quả | | bát | chén | | cá quả | cá lóc |   **Bài tập 2:** Tìm từ địa pương :  a) Bẹ: ngô  b) Bắp: ngô  c) Bầm: mẹ  d) Lổ: trổ, răng: sao (răng được, sao được) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Bài tập 1: C**hỉ ra những tiếng địa phương có trong văn bản:  *a) Đường vô xứ Nghệ quanh quanh*  *Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.*  *b) Tay bưng đĩa muối mà lầm*  *Vừa đi vừa húp té ầm xuống mương.*  *c) Ngó lên Hòn Kẽm Đá Dừng*  *Thương cha nhớ mẹ quá chừng bậu ơi.*  *d) Tay bưng dĩa muối dĩa gừng*  *Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau.*  *e) Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát*  *Đứng bên tê đồng ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông*  *Thân em như chẽn lúa đòng đòng*  *Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.*  **Bài tập 2:** Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới.  - Đằng nớ vợ chưa?  - Đằng nớ?  - Tớ còn chờ Độc lập  Cả lũ cười vang bên ruộng bắp  Nhìn o thôn nữ cuối nương dâu  [...]  Đồng chí mô nhớ nữa,  Kể chuyện Bình Trị Thiên,  Cho bầy tui nghe ví,  Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí,  - Thưa trong nớ hiện chừ vô cùng gian khổ,  Đồng bào ta phải kháng chiến ra ri  [...]  Chúng tôi đi nhớ nhất, câu ni  Dân chúng cầm tay lắc lắc:  “Độc lập nhớ rẽ viền chơi ví chắc!”  (Hồng Nguyên, *Nhớ*)  a) Xác định các từ ngữ địa phương trong đoạn thơ trên.  b) Tìm những từ toàn dân tương ứng với các từ địa phương đó.   * **Gợi ý:**   **Bài tập 1: C**hỉ ra những tiếng địa phương có trong văn bản:  *a) Đường* ***vô( vào)*** *xứ Nghệ quanh quanh*  *Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.*  *b) Tay bưng đĩa muối mà lầm*  *Vừa đi vừa húp* ***té( ngã)*** *ầm xuống mương.*  *c) Ngó lên Hòn Kẽm Đá Dừng*  *Thương cha nhớ mẹ quá chừng* ***bậu( bạn)*** *ơi.*  *d) Tay bưng* ***dĩa(đĩa)*** *muối* ***dĩa*** *gừng*  *Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau.*  *e) Đứng bên* ***ni(này)*** *đồng ngó bên* ***tê( kia)*** *đồng, mênh mông bát ngát*  *Đứng bên* ***tê*** *đồng ngó bên* ***ni*** *đồng, bát ngát mênh mông*  *Thân em như chẽn lúa đòng đòng*  *Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.*  **Bài tập 2:**   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ địa phương** | **Từ ngữ toàn dân** | | Nớ | Đấy | | Bắp | Ngô | | O | Cô | | Mô | Đâu | | Bầy tui | Chúng tôi | | Ví | Với | | Chừ | Giờ | | Ra ri | Ra sao | | Ni | Này | | Viền | Về | | Ví chắc | với nhau | |

**HỌC KÌ 2**

**I. Kiến thức chung:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Kiến thức Tiếng Việt** | **Ví dụ** |
| **Bài 6: Bài học cuộc sống** | **1. Thành ngữ**  **a. Khái niệm:** Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.  **b. Đặc điểm và chức năng của thành ngữ:**  - Có cấu tạo chặt chẽ. Nhiều khi cách kết hợp các từ trong thành ngữ không theo quy tắc thông thường.  Ví dụ: Cao chạy xa bay, con ông cháu cha…  - Việc dùng thành ngữ giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng  Ví dụ:  - Để diễn tả tình thế của những kẻ yếu bị dồn vào bước đường cùng không lối thoát có thể dùng một thành ngữ ngắn gọn: chuột chạy cùng sào.  - Để diễn tả một sự thất bại mất mát không đáng có, có thể dùng một thành ngữ ngắn gọn: xôi hỏng bỏng không.  Thành ngữ còn giúp người sử dụng bày tỏ thái độ, tình cảm của mình đối với sự vật, hiện tượng được nói tới một cách hiệu quả nhất. Ví dụ: lá lành đùm lá rách (yêu thương), đầu voi đuôi chuột (chê bai).  Trong văn thơ luôn đòi hỏi tính hàm súc cô đọng nên thành ngữ được dùng rất nhiều.  Ví dụ:  *+ Người nách thước, kẻ tay dao*  *Đầu trâu mặt ngựa ào ào như xôi.*  *+ Chị dù thịt nát xương mòn*  *Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.*  *+ Phong trần mài một lưỡi gươm*  *Những phường giá áo túi cơm sá gì.*  (Nguyễn Du)  **2. Biện pháp tu từ: nói quá**  **a. Khái niệm:** Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại tính chất, mức độ, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.  **b. Phân biệt nói quá với nói khoác, nói dối:**  - Nói khoác, nói dối cũng phóng đại mức độ, tính chất…của đối tượng nhưng nhằm mục đích làm người nghe tin vào điều không có thực.  - Nói quá thường được dùng kèm với bp tu từ so sánh, ẩn dụ, hoán dụ.  - Dùng trong văn tự sự, miêu tả….ít được sử dụng trong vb hành chính, khoa học. | **Ví dụ về thành ngữ:**  “Quanh năm buôn bán ở mom sông  Nuôi đủ năm con với một chồng  Lặn lội thân cò khi quãng vắng,  Eo sèo mặt nước buổi đò đông  (*Thương vợ*, Trần Tế Xương)  Thành ngữ “Lặn lội thân cò khi quãng vắng” để chỉ sự lam lũ, vất vả của người vợ, chẳng khác nào tấm thân cò lặn lội kiếm ăn trong đêm khuya.  Tác dụng của câu thành ngữ này được sử dụng trong đoạn thơ này là thể hiện nỗi xót xa của nhà thơ trước sự vất vả của người vợ, từ đó thể hiện tình cảm và sự đồng cảm với nỗi vất vả của vợ.    **Ví dụ về Bện pháp tu từ Nói quá:**  *Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*  *Ngày tháng mười chưa cười đã tối*  (Tục ngữ)  Câu nói trên phóng đại về tính chất. Nhằm nhấn mạnh tính chất thời gian, nhắc nhở mọi người điều chỉnh công việc cho phù hợp. |
| **Bài 7: Thế giới viễn tưởng** | **1. Mạch lạc và liên kết:**  - **Mạch lạc** là tính hợp lý, thống nhất giữa các câu trong đoạn văn và các đoạn trong văn bản. Các câu trong đoạn, các đoạn trong văn bản phải hướng về một chủ đề chung và được sắp xếp theo một trình tự hợp lý thể hiện chủ đề của văn bản.  - **Liên kết** là làm cho các bộ phận trong văn bản (câu, đoạn) được gắn kết chặt chẽ với bằng các từ ngữ thích hợp được gọi là “phương tiện liên kết”. Các phương tiện liên kết được sử dụng là: *nối, thay thế* hoặc *từ ngữ được lặp lại*.  - Liên kết góp phần tạo nêu tính mạch lạc của văn bản.  **2. Công dụng của dấu chấm lửng:**  Dấu chấm lửng thường được dùng để tỏ ý nhiều sự vật, hiện tượng chưa được liệt kê hết; thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng; làm giãn nhịp điệu của câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm.  - Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chữa liệt kê hết.  - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở ngập ngừng ngắt quãng. Ví dụ:  - Làm dàn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm. | **Ví dụ về Mạch lạc và liên kết:**  *Sau khi dặn em cách làm thuốc cho mẹ, Phật nói thêm: “Hoa cúc có bao nhiêu cánh,*  *người mẹ sẽ sống thêm bấy nhiêu năm”. Vì muốn mẹ sống thật lâu, cô bé dừng lại bên đường tước các cánh hoa ra thành nhiều cánh nhỏ. Từ đó hoa cúc có rất nhiều cánh.*  (Vì sao hoa cúc có nhiều cánh nhỏ)  Trong đoạn văn trên, từ “vì”, “từ đó” có tác dụng liên kết các câu văn với nhau.  **Ví dụ về Công dụng của dấu chấm lửng:**  - Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chữa liệt kê hết.  *Ví dụ:* Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu , Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,.. (Hồ Chí Minh)  - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở ngập ngừng ngắt quãng. Ví dụ:  *Ví dụ:* Cô tặng em. Về trường mới, em cố gắng học tập nhé!  Em đặt vội quyền sổ và cây bút lên bàn:  Thưa cô, em không dám nhận… em không được đi học nữa.  (Khánh Hoài)  - Làm dàn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.  *Ví dụ:* Học thì bạn ấy rất bận, bận... ngủ. |
| **Bài 8: Trải nghiệm để trưởng thành** | **1. Biện pháp liên kết**  - Sự gắn kết giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản được thể hiện bằng nhiều biện pháp (phép) liên kết, gắn với những phương tiện (từ ngữ) liên kết cụ thể, chẳng hạn: phép nối (từ ngữ nối), phép thế (đại từ, từ ngữ đồng nghĩa), phép lặp (lặp lại từ ngữ đã có trong câu trước, đoạn trước),...  **2. Thuật ngữ:**  **a. Khái niệm:** Thuật ngữ là từ hoặc cụm từ cố định, được sử dụng theo quy ước của một lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học nhất định.  **b. Chức năng:**  + Có những từ ngữ khi thì được dùng với tư cách là một thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường.  + Có những thuật ngữ đôi khi được dùng như từ ngữ thông thường.  **- Cách xác định thuật ngữ: dựa vào ngữ cảnh**  **- Cách xác định nghĩa của thuật ngữ:**  + Tìm trong Bảng tra cứu thuật ngữ.  + Đọc các từ điển chuyên ngành. | **Ví dụ về Biện pháp liên kết:**  *Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ* *sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào*  *tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời*  *sống chung quanh.*  (Nguyễn Đình Thi, *Tiếng nói của văn nghệ*)  Đoạn văn trên sử dụng các phép liên kết:  - Phép lặp: *Tác phẩm*  - Phép liên tưởng: *nghệ thuật- nghệ sĩ- tác phẩm*  - Phép nối: *Nhưng*  - Phép thế*: Nghệ si- anh*  **Ví dụ về Thuật ngữ:**  - Hoa: cơ quan sinh sản hữu tính của cây hạt kín, có bộ phận chủ yếu là nhị (bộ phận  đực) và nhuỵ (bộ phận cái), còn đài và tràng làm thành bao hoa che chở ở ngoài.  - Lá: cơ quan của cây mọc ở thân hoặc ở cành, thường có hình bản giẹp, màu lục, có  chức năng chủ yếu trong việc chế tạo chất hữu cơ nuôi cây.  (Hoa, lá trong ví dụ trên là thuật ngữ trong bộ môn sinh học). |
| **Bài 9: Hòa điệu với tự nhiên** | **1. Cước chú**  - Khái niệm: là một loại chú thích đặt ở chân trang hoặc cuối văn bản về một từ ngữ khó hiểu hay một nội dung chưa quen. Loại chú thích đó cho biết văn bản hay một số yếu tố của văn bản được lấy từ nguồn nào cũng được gọi là cước chú.  - Phạm vi sử dụng: xuất hiện nhiều trong các văn bản thông tin (nhất là văn bản khoa học), văn bản nghị luận, văn bản văn học cổ được đời sau in lại  - Chức năng: người đọc có thêm điều kiện để nắm bắt được một cách chính xác những thông tin, thông điệp, ý nghĩa văn bản.  - Cách ghi cước chú:  + Đánh dấu từ ngữ, nội dung cần cước chú bằng chữ số hoặc dấu hoa thị  + Ở chân trang hoặc ở cuối văn bản, lần lượt chú thích về từng từ ngữ hay nội dung đã được đánh dấu để tạo thành một cước chú hoàn chỉnh gồm: kí hiệu đánh dấu đối tượng, tên đối tượng, dấu hai chấm, nội dung giải thích  **2. Tài liệu tham khảo**  - Khái niệm: là những tài liệu mà người tạo lập văn bản tìm đọc và khai thác các thông tin cần thiết, có liên quan tới vấn đề được trình bày trong văn bản  - Chức năng: người đọc có thể có được những nhận định bước đầu về mức độ tin cậy của nội dung thông tin trong văn bản hay giá trị chuyên môn, khoa học của văn bản  - Thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo:  + Đặt trong dấu ngoặc kép đoạn trích hoặc dẫn nguyên văn một ý kiến, nhận định nào đó.  + Nêu thông tin về họ, tên tác giả của ý kiến, nhận định được trích dẫn.  + Ghi đầy đủ tên tài liệu được trích dẫn cùng nơi xuất bản, thời gian xuất bản vào vị trí thích hợp.  **3. Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt**  - Bước 1: Tách từng từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét.  - Bước 2: Tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau.  - Bước 3: Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu. | **Ví dụ về cước chú:** “Thoai-lai Dôn (Twilight Zone)”- Thủy Tiên tháng Một  - Ví dụ: 2. Cri-xtốp-phơ Ma-gơ (Christopher Maag) (13/6/2008), "Ở phía đông Ai-o-oa, thành phố "sẽ không bao giờ ngập lụt" nằm dưới độ sâu 12 feet“. |

**II. Luyện tập:**

**1. Bài tập về Thành ngữ và biện pháp tu từ Nói quá:**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Bài tập 1.** Chỉ rõ và nêu tác dụng của phép nói quá trong câu:  a. Giá những cổ tục đã đầy đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.  b. “Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng” (“Hịch tướng sĩ” – Trần Quốc Tuấn)- “Gươm mài đá, đá núi cũng mòn  c. Voi uống nước, nước sông phải cạn Đánh một trân sạch không kình ngạc Đánh hai trận tan tác chim muông ”.  (“Bình Ngô đại cáo” – Nguyễn Trãi)  d.“Lỗ mũi mười tám gánh lông Chồng yêu, chồng bảo râu rồng trời cho”.  e. “Bàn tay ta làm nên tất cả Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”.  **Bài tập 2:** Đặt câu với thành ngữ:*nghiêng nước nghiêng thành, rời non lấp biển, mình đồng da sắt, nghĩ nát óc*  **Bài tập 3:** Phân biệt biện pháp tu từ nói quá với nói khoác:  ***\* Gợi ý:***  **Bài tập 1.** Chỉ rõ và nêu tác dụng của phép nói quá trong câu:  a. “Giá những cổ tục đã đầy đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”.  - Cách nói quá thể hiện ở cụm từ: mà cắn, mà nhai, mà nghiến kì nát vụn mới thôi ( Thể hiện tâm trạng uất ức, căm giận đến cao độ của chú bé Hồng đối với những cổ tục đã đày đọa mẹ).  b. “Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng” (“Hịch tướng sĩ” – Trần Quốc Tuấn)- “Gươm mài đá, đá núi cũng mòn.  - Cách nói quá thể hiện ở cụm từ: trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ( Thể hiện tâm trạng căm giận đến cao độ của Trần Quốc Tuấn đối với quân giặc và thái độ sẵn sàng hi sinh để đánh đuổi kẻ thù).  c. Voi uống nước, nước sông phải cạn Đánh một trận sạch không kình ngạc Đánh hai trận tan tác chim muông ”.  (“Bình Ngô đại cáo” – Nguyễn Trãi)  - Cách nói quá thể hiện ở cụm từ: nước sông phải cạn, sạch không kình ngạc, tan tác chim muông ( Thể hiện tâm quyết tâm đánh thắng giặc).  d.“Lỗ mũi mười tám gánh lông Chồng yêu, chồng bảo râu rồng trời cho”.  - Cách nói quá thể hiện ở câu: Lỗ mũi mười tám gánh lông, chồng bảo râu rồng trời cho ( Thể hiện tình cảm của chồng dành cho vợ, cho dù người vợ đó có xấu đến đâu).  e. “Bàn tay ta làm nên tất cả Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”.  - Cách nói quá thể hiện ở câu: Bàn tay ta làm nên tất cả, sỏi đá cũng thành cơm ( Thể hiện quyết tâm của con người trong lao động).  **Bài tập 2:** Đặt câu với thành ngữ:  - Tả tài sắc Thúy Kiều, Nguyễn Du viết:  *“Một hai nghiêng nước nghiêng thành.*  *Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”.*  - Kẻ trượng phu xưa thường mơ chuyện **rời non lấp biển**.  - Nhưng việc **lấp biển vá trời** dành cho kẻ anh hùng hào kiệt.  - Chúng tôi là người chứ đâu phải **mình đồng da sắt**. Chúng tôi thử hành hạ các ông thế này một buổi xem các ông có chịu nổi không.  (Nguyễn Đức Thuận - Bất khuất)  - Tôi **nghĩ nát óc** vần không tìm được đáp số bài toán.  **Bài tập 3:** Phân biệt biện pháp tu từ nói quá với nói khoác:  Nói quá và nói khoác đều là phóng đại mức độ, quy mô tính chất của sự vật, hiện tượng nhưng khác nhau ở mục đích. Nếu nói quá là một biện pháp tu từ nhằm để nhấn mạnh gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm thì nói khoác nhằm cho người nghe tin vào những điều không thực sự xảy ra. Như thế, nói khoác là hành động có tác động không tích cực. |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Bài tập 1:** Tìm 10 thành ngữ, tục ngữ sử dụng lối nói quá.  **Bài tập 2:** Tìm 10 câu ca dao hoặc câu thơ có dùng biện pháp nói quá?  **Bài tập 3:** Tìm biện pháp nói quá và giải thích ý nghĩa của chúng?  a. “Thuận vợ, thuận chồng tát biẻn đông cũng cạn”  b. “Bát cơm chan dầy nước mắt Bay còn giằng khỏi miệng ta”.  c. “Em nghe thầy mẹ anh hiền Cắn hột cơm không vỡ, cắn đồng tiền vỡ tư”.  d. “Mối thù này chết cũng không quên”.  **Bài tập 4:** Viết đoạn văn có sử dụng phép nói quá.  **\* Gợi ý:**  **Bài tập 1:** Tìm 10 thành ngữ, tục ngữ sử dụng lối nói quá.  - Vắt cổ chày ra nước.  - Một tất đến giời.  - Chó ăn đá, gà ăn sỏi.  - Miệng nam mô bụng bồ dao gặm.  - Dữ như cọp.  - Kêu như trời đánh.  - Khoẻ như voi.  - Lên như diều gặp gió.  - Đẹp như tiên.  **Bài tập 2:** Tìm 10 câu ca dao hoặc câu thơ có dùng biện pháp nói quá?  - Bàn tay ta làm nên tất cả Có sức người sỏi đá cũng thành cơm  - Quyết lời dứt áo ra đi, Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi.  - Dân công đỏ đuốc từng đoàn Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay.  - Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi  - Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả; Củi một cành khô lạc mấy dòng.  - Lỗ mũi em mười tám gánh lông Chồng thương chồng bảo râu rồng trời cho  -  Áo rách chi lắm áo ơi Áo rách trăm mảnh chẳng có nơi cho rận nằm.  - Làm trai cho đáng nên trai Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng  -  Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,  - Sông Bạch Đằng phá quân Nguyên Gươm reo chính khí nước rền dư uy  **Bài tập 3:** Tìm biện pháp nói quá và giải thích ý nghĩa của chúng?  a. “Thuận vợ, thuận chồng ***tát biển đông cũng cạn***”  - Ý nói nếu vợ chồng thuận tình thì việc gì cũng làm được.  b. “Bát cơm ***chan dầy nước mắt*** Bay còn ***giằng khỏi miệng*** ta”.  - Chan đầy nước mắt: thể hiện sự khó nhọc mới làm ra thành quả  - Giằng khỏi miệng: sự cướp bóc trắng trợn của kẻ thù thành quả của người dân lao động.  c. “Nghe đồn bác mẹ anh hiền ***Cắn cơm không vỡ, cắn tiền vỡ đôi***”.  - Ý nói cha mẹ anh rất ghê gớm  d. “Mối thù này ***chết cũng không quên***”.  **Bài tập 4:** Viết đoạn văn có sử dụng phép nói quá.  ***\* Đoạn văn tham khảo:***  “Suốt cả tuần nay***, trời nắng như đổ lửa***. Mới 8,9 giờ sáng mà không khí oi bức, khó chịu. Bà con nông dân ai cũng tranh thủ về sớm để tránh nắng. Thế nhưng bố vẫn còn cố gắng cày đến trưa mới về. Mồ hôi bố ***chảy như mưa***. Nhìn thấy bố vất vả, em thương bố vô cùng”. |

**2. Bài tập về Mạch lạc và liên kết:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập số 1( Mạch lạc và liên kết)**  **Bài tập 1**:Phân tích tính **mạch lạc** của đoạn văn sau:  *Trước rạng đông, chúng tôi đã sẵn sàng nghênh chiến. Lưới đánh cá voi đã xếp ở hai thành tàu. Thuyền phó ra lệnh chuẩn bị loại súng bắn xa một hải li và cả loại súng bắn đạn phá có thể hạ được những con thú lớn nhất. Nét Len (Ned Land) mài sắc mũi lao, một thứ vũ khó diệt cá voi lợi hại trong tay anh ta. Sáu giờ, trời hửng sáng. Cùng với những tai sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của con cá thiết kình cũng phụt tắt. Tới bảy giờ, trời gần sáng rõ. Nhưng sương mù dày đặc đang trải ra ở chân trời, và dùng ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thấy rõ vật gì. Có thể hình dung được chúng tôi thất vọng và giận dữ đến mức nào! Đến tám giờ sáng, những dải sương mù dày đặc bắt đầu trôi trên sóng và từ từ bốc lên cao. Chân trời được mở rộng và sáng rõ.*  **Gợi ý:**  - Đoạn văn kể về sự việc gì? (Kể về sự việc những người trên tàu chiến quan sát để tiếp cận “con cá thiết kình”  - Sự việc đó diễn ra trong thời gian bao lâu? (Sự việc đó diễn ra trong thời gian: 1 tiếng đồng hồ)  - Sự việc được sắp xếp theo trật tự như thế nào? (Sự việc sắp xếp theo trật tự tuyến tính: sáu giờ đến bảy giờ sáng)  - Em thử đảo vị trí của các câu và nêu ý kiến nhận xét của mình? (Nếu đảo vị trí giữa các câu thì đoạn văn thiếu mạch lạc và khó hiểu).  **Bài tập 2**:Chỉ ra phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn trích sau và nêu chức năng của chúng?  a. Từ phía trong tàu có tiếng then cửa lạch cạch. Nắp tàu mở ra. Một người thò đầu lên nhìn. Hắn kêu lên một tiếng gì không rõ, rồi biến mất. Mấy phút sau, từ trong tàu bước ra tám người lực lưỡng, mặt bịt kín. Họ lẳng lặng kéo chúng tôi vào trong chiếc tàu ngầm khủng khiếp của họ.  b. Trên bãi thoai thoải này, ở cách mép sông một khoảng là chân những rặng núi sừng sững, cao vút, với những cạnh đã như xé toạc bờ biển, đâm ra khơi thành những mũi đất. Xa xa, khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương. Đây quả thật là một đại dương với đường nét bờ biển thất thường hệt như ở những biển trên mặt đất, nhưng vắng vẻ và hoang dã một cách kinh khủng.  c. Đúng lúc đó, Alice trượt chân và oạch một cái, cô ngã sóng xoài trên sàn, cắm ngập trong vũng nước mằn mặn. Lúc đầu cô nghĩ rằng có lẽ mình đã bị ngã xuống biển. “Nếu vậy thì mình có thể trở về nhà bằng tàu hoả” – Cô tự nhủ.  d. Mỗi bệnh viện lớn bằng khoảng một thành phố nhỏ. Ý tưởng là vừa tránh cho bệnh viện bị quá tải, vừa tạo điều kiện tốt cho việc cách li những chứng bệnh lây lan truyền nhiễm. Những bệnh viện này được quản lí rất chu đáo, luôn đầy đủ thuốc men và thiết bị với những đội ngũ bác sĩ và hộ lý xứng đáng là "lương y kiêm từ mẫu" đến nỗi hễ ốm đau là ai cũng muốn vào bệnh viện chứ không muốn nằm nhà.  **Gợi ý:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý** | **Phương tiện liên kết** | **Chức năng** | | **a** | Phép lặp: “tàu”, thế: “hắn” thay cho “một người”, “họ” thay cho “ tám người lực lưỡng”. | Các phương tiện liên kết này đảm bảo sự kết nối hình thức giữa các câu trong đoạn văn. Sự liên kết đó cùng với sự mạch lạc làm cho đoạn văn trở thành một chỉnh thể thống nhất. | | **b** | Phép đồng nghĩa, liên tưởng: bãi, mép sông, rặng núi, bờ biển, khơi, mũi đất, khối núi đá, chân trời, đại dương | | **c** | Phép thế: “ cô” thay cho “Alice” | | **d** | Phép lặp: “bệnh viện”, Phép đồng nghĩa, liên tưởng: bệnh viện, cách li, chứng bệnh, truyền nhiễm, thuốc men, thiết bị, đội ngũ bác sĩ, hộ lý, ốm đau. |   **Bài tập 3:Trong các đoạn văn dưới đây, đoạn nào có tính mạch lạc, đoạn nào không có tính mạch lạc? Tại sao?**  a. Hôm nay trên đường đi học tôi nhìn thấy một người ăn xin. Tôi nhanh chân chạy về nhà vì tôi rất muốn được nhìn thấy chú Cún mà mẹ tôi mua hôm trước.  b. Tùng. Tùng. Tùng. Tiếng trống vang lên giòn giã. Học sinh các lớp ùa ra sân trường.  c. Mùa xuân trăm hoa đua nở. Hoa mai trong vườn đã rụng hết cánh. Hoa nhài mùi hương nồng nàn.  d. Biển xanh biếc xa tít tắp. Những con sóng vỗ miên man lên bãi cát. Trên bầu trời, từng đàn hải âu tung cánh bay.  **Gợi ý:**  **Đoạn văn có tính mạch lạc:** b,d vì các câu có cùng chủ đề, sử dụng phép liên kết.  **Đoạn văn không có tính mạch lạc: a,c** vì các câu không cùng chủ đề. |

**3. Bài tập về Công dụng của dấu chấm lửng:**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2( Dấu chấm lửng)**  **Bài tập 1:** Em hãy nêu rõ tác dụng của dấu chấm lửng trong các câu hoặc đoạn trích sau đây:  a) Đồn điền Đỗ Văn Nhân, ngoài ruộng thẳng cánh cò bay, đồi chè, cà phê… hàng hai, ba trăm mẫu, còn nuôi rất nhiều bò.  (Xuân Thu)  b) Trong thiên đồng thoại nổi tiếng thế giới này, tác giả đã sáng tạo thành công nhiều nhân vật là loài vật: Đại Tá, Bốn Biển, Anh-xtanh, Mét-thiu,... Nhưng với tôi, Gióc-ba luôn là nhân vật đáng yêu và thú vị nhất.  c) Mẹ tôi về ở trường ra, tôi chợt thoảng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo giống giống mẹ tôi. Tôi liền đuổi theo, gọi bối rối:  - Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!...  ( Nguyên Hồng)  d) Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở  hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và, khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại.  (Nguyên Hồng)  e) Nay chúng ta giành được quyền độc lập. Một trong những công việc cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí [...].  ( Hồ Chí Minh)  g) “− Hò... ơ... Trai Biên Hoà luỵ gái Gò Me  Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò...”  (Hoàng Tố Nguyên )  **Bài tập 2:** Hãy cho biết tác dụng của dấu chấm lửng trong các phần trích sau :  a) Thằng Dần lè lưỡi ra :  - Eo ! Mẹ ơi!…  - Thật… không có thế cứ cổ con mà chặt.            (Nam Cao)  b) Rú… rú… rú… máy bắt đầu mở, bắt đầu xúc than.  (Võ Huy Tâm)  c) Tôi vừa đi Tây về, suốt hai tuần ở cung Đại hội các nhà văn, bữa ăn nào cũng toàn thịt, bơ, phó mát,... đến nỗi tôi thất kinh, nhiều ngày chỉ mang một mớ trái cây về phòng ăn trừ bữa. (Hoàng Phủ Ngọc Tường)  d) Đứng trước tổ dế, ong xanh khẽ vỗ cánh, uốn mình, giương cặp răng rộng và nhọn như đôi gọng kìm, rồi thoắt cái lao nhanh xuống hang sâu. Ba giây… Bốn giây… năm giây… Lâu quá.  (Vũ Tú Nam)  e) Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương ai oán…  (Hà Ánh Minh)  g)  - Anh này lại say khướt rồi.  - Bẩm không ạ, bẩm thật là không say. Con đến xin cụ đi ở tù, mà nếu không được thì… thì… Thưa cụ.  (Nam Cao)  h)Chim bay vút lên khoe trăm màu áo đan chéo nhau trong không trung : nâu, trắng, mun, vàng, xám, tím biếc…  (Võ Văn Trực)  h) Núp định ra chặn lại hỏi. Nhưng… có được không ?… Nó có bắt mình nộp cho Pháp… chắc không đâu, Pháp làm nó khổ thế này, bụng nó chắc không thương Pháp đâu.  (Nguyên Ngọc)  i) Do đó, tiếng Việt có thể kể vào những thứ tiếng giàu hình tượng ngữ âm như những âm giai trong bản nhạc trầm bổng […]. Giá trị của một tiếng nói cố nhiên không phải chỉ là câu chuyện chất nhạc.  (Đặng Thai Mai)  k) Quan đi kinh lí trong vùng  Đâu có… gà vịt thời lùng về xơi.  (Tú Mỡ)  l) Thầy Lí cũng xòe năm ngón tay trái úp lên trên ngón tay mặt nói:  Tao biết mày phải… nhưng nó lại phải… bằng hai mày.  (Trương Chính – Phong Châu)  **Bài tập 3:** Viết đoạn văn có sử dụng dấu chấm lửng.  ***Gợi ý:***  **Bài tập 1:**  a) Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết  b) Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết  c) Thể hiện lời nói ngắt quãng do quá xúc động.  d) Làm dãn nhịp điệu câu văn, diễn tả hoạt động chậm lại của chiếc xe.  e) Biểu thị ý lược bớt.  g) Dấu chấm lửng thứ nhất làm dãn nhịp điệu câu thơ theo điệu hò, dấu chấm lửng thứ hai thể hiện chưa liệt kê hết nội dung điệu hò.  k) Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.  l) Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.  **Bài tập 2:**  a) - Tác dụng: Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở ngập ngừng ngắt quãng.  b) - Tác dụng: Thể hiện âm thanh kéo dài.  c) - Tác dụng: Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chữa liệt kê hết.  d) - Tác dụng: Thể hiện thời gian trôi chậm chạp.  e) - Tác dụng: Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chữa liệt kê hết.  g) - Tác dụng: Làm dàn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.  h)- Tác dụng: Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chữa liệt kê hết.  h) - Tác dụng: Thể hiện chỗ lời nói ngập ngừng ngắt quãng, tính toán, suy nghĩ.  i) - Tác dụng: Lược bỏ một đoạn.  **Bài tập 3:**  Trong vườn có rất nhiều cây. Cây cam có cành lá xum xuê, quả vàng óng như những chiếc đèn lồng treo lủng lẳng trên cây. Cây chuối tàu lá xanh, thân cũng xanh, mang buồng chuối đến chục nải cũng xanh, lốm đốm vài quả chín rất hấp dẫn. Cây bưởi cành nhỏ chúc xuống, những quả bưởi to, tròn xanh mướt như “những đứa con đầu tròn, trọc lốc” mà nhà thơ Trần Đăng Khoa từng so sánh… Các cây ăn quả tràn đầy sắc xanh như thế còn những khóm hoa thì rực rỡ sắc màu. Hoa cúc vàng rực như nắng làm nổi bật cả một góc vườn và ấm lên cả không gian xung quanh. Hoa đào cũng đua nhau khoe sắc áo hồng mới. Còn hoa hồng thì màu sắc cũng rất phong phú, hồng nhung, hồng đỏ, hồng trắng, hồng vàng, hồng cam tranh nhau khoe sắc, tỏa hương… |

**4. Bài tập về Mạch lạc và liên kết ( Biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết)**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Câu 1: Chỉ ra các biện pháp liên kết câu, liên kết đoạn văn và các từ ngữ liên kết được dùng trong các trường hợp sau:**  a) Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.  Từ đó, oán nặng , thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt, dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần Nước đánh mỏi mệt, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương đành rút quân về.  (Sơn Tinh, Thủy Tinh)  b) Bấc có cái tài biểu lộ tình thương yêu gần giống như làm đau người ta. Nó thường hay há miệng ra cắn lấy bàn tay Thoóc-tơn rồi ép răng xuống mạnh đến nỗi vết răng hằn vào da thịt một lúc lâu. Và cũng như Bấc hiểu các tiếng rủa là những lời nói nựng, con người cũng hiểu cái cắn vừa ấy là cử chỉ vuốt ve.  (Tiếng gọi nơi hoang dã, G.Lân - đơn)  c) Có những thế giới nào ẩn náu ở đó, trong luồng bức xạ tổng hợp của thiên hà, loại bức xạ chói lọi hơn các thiên hà khác, tính trung bình đạt tới lớp quang phổ F. Trong thiên hà có những hành tinh hùng mạnh có người ở hay không, và phải chăng tư tưởng của những sinh vật có lí trí ở đấy cũng đang ráo riết tìm hiểu những bí mật của thiên nhiên như ở Trái Đất chúng ta?  d) Có một người đàn ông nọ, một hôm vì có việc nên trở về nhà khi trời đã khuya. Oái oăm thay, sau khi về tới nhà, ông mới phát hiện đã để quên chìa khoá nhà tại công ti, nên đành lom khom tìm kiếm chiếc chìa khoá dự phòng. Nhìn thấy ông loay hoay cạnh ngọn đèn đường, người hàng xóm nhà bên cũng ra tìm giúp. Chẳng mấy chốc, lại thêm vài người hàng xóm nữa gia nhập “đội tìm kiếm”, nhưng chiếc chìa khoá vẫn không thấy đâu.  **Câu 2: Đọc đoạn văn sau:**  Những ngày đầu năm, khắp làng bản Việt Nam rộn ràng tiếng trống hội xuân thúc giục lòng người. (...) bên cạnh hoạt động lễ nghi mang ý nghĩa tín ngưỡng, con có nhiều hội vui, diễn xướng sân khấu và các trò chơi truyền thống, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.  ( Theo Trò chơi ngày xuân-Báo Nhân Dân, 2002)  a) Có thể thay thế lần lượt các cụm từ: Khắp làng bản, Lúc này, Vào dịp này, vào dấu ba chấm, nằm trong ngoặc đơn (...) để hai câu trong đoạn văn trên liên kết với nhau không?  b) Chỉ rõ phép liên kết câu khi lần lượt thay thế các cụm từ trên.  **Câu 3:** Viết đoạn văn (3-5 câu) có sử dụng phép lặp để liên kết các câu trong đoạn.  **\* Gợi ý:**  **Câu 1: Gợi ý trả lời:**  a) Các phép liên kết được dùng trong hai đoạn văn và phương tiện liên kết là:  - Liên kết câu:  + Phép nối: từ *nhưng* nối câu 2 với câu 1 (đoạn 2).  - Sơn Tinh đồng nghĩa với Thần Núi.  - Liên kết đoạn:  + Phép lặp: Từ Thủy Tinh, Sơn Tinh, Thần Nước lặp lại hai lần ở hai đoạn văn.  + Phép thế: cụm từ *Từ đó* (đoạn 2) thay thế cho thời gian kể từ khi thần nước rút quân (đoạn 1).  b) Các phép liên kết câu được dùng trong đoạn văn và phương tiện liên kết là:  - Phép lặp: Từ Bấc lặp lại hai lần (câu 1, 3)  - Phép thế: - Từ Nó (câu 2) thay thế cho Bấc (câu 1).  - Phép nối; Từ Và nối câu 3 với các câu trước.  c) Các phép liên kết câu được dùng trong đoạn văn và phương tiện liên kết là:  - Phép lặp: “thiên hà” lặp lại 3 lần (câu 1, 2)  d) Các phép liên kết câu được dùng trong đoạn văn và phương tiện liên kết là:  - Phép lặp: Từ ***tìm, chìa khóa***  - Phép thế: - Từ ***ông*** (câu 2) thay thế cho ***một người đàn ông*** (câu 1).  **Câu 2:**  a)Có thể thay thế lần lượt các cụm từ: Khắp làng bản, Lúc này, Vào dịp này, vào chỗ (...) để hai câu trong đoạn văn trên liên kết với nhau.  b) Phép liên kết câu được dùng trong đoạn văn:  - Khi thay cụm từ: Khắp làng bản vào chỗ(...) , hai câu trong đoạn liên kết với nhau bằng phép lặp;  - Khi thay cụm từ: Lúc này; Vào dịp này vào chỗ (...) , hai câu trong đoạn liên kết với nhau bằng phép thế: thay thế cho Những ngày đầu năm ở câu 1.  **Câu 3:**  ***Đoạn văn tham khảo:***   Khi xuân đến, những chồi non như tỉnh dậy sau một giấc ngủ đông thật dài. Tất cả đua nhau đâm chồi nảy lộc xanh mơn mởn. Chính những tia nắng ấm áp của mùa xuân chính là vị thần gõ cửa đánh thức mùa xuân. Muôn loài hoa chỉ chờ đợi đến lễ hội xuân để cùng nhau trẩy hội, cùng nhau khoe hương, khoe sắc. Đặc biệt là chị em nhà đào, mơ, mận. Những cánh hoa đào, hoa mơ e ấp, chúm chím trong hơi xuân. Hương thơm từ các loài hoa tỏa ngát khiến cho lòng người thấy yên bình, rạo rực hơn.  Phép lặp: từ “xuân” |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Câu 1: Đọc đoạn văn sau:**  Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình. Chính tấm bản đồ này quyết định cách nhìn của chúng ta đối với cuộc sống, với mọi người và với chính bản thân mình. Nó cũng mang ý nghĩa quyết định đối với những thành bại của chúng ta trong cuộc sống.  ( *Bản đồ dẫn đường*- Đa-ni-en Gốt-li-ep)  a. Các câu trong đoạn đó liên kết với nhau bằng biện pháp liên kết nào? Biện pháp đó thể hiện bằng các từ ngữ nào? Thể hiện kết quả vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Liên kết giữa các câu | Biện pháp liên kết | Từ ngữ liên kết | | Câu 1 và câu 2 | Lặp, thế | Lặp: *Tấm bản đồ*, Thế: *Này*( thay thế cho *tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình*) | | Câu 2 và câu 3 | Thế | Nó( thay thế cho *tấm bản đồ*) |   b. Phân tích vai trò của các biện pháp liên kết này: các biện pháp liên kết này có vai trò giúp các câu trong đoạn có sự liên kết chặt chẽ, không trùng lặp.  **Câu 2: Đọc đoạn văn sau:**  Gia cảnh đã đến bước đường cùng buộc chị phải làm cái việc đau lòng ấy. (1) Xót chồng ốm đau mà bị đánh đập, cùm kẹp, chị đã lấy thân mình che chở cho chồng. (2) Phải bán con, chị Dậu như đứt từng khúc ruột.(3) Thậm chí, chị còn sẵn sàng chống lại tên cai lệ và người nhà lí trưởng để bảo vệ anh Dậu . (4) Chị Dậu chính là hình ảnh của người phụ nữ thương chồng, thương con, giàu lòng vị tha và đức hy sinh. (5) Đến khi bị giải lên huyện, ngồi trong quán cơm, nhịn đói, chị vẫn chỉ nghĩ đến anh Dậu, đến cái Tỉu, thằng Dần, cái Tí,(6)  a) Cho biết câu văn nào mang ý khái quát trong đoạn văn trên?  b) Chỉ ra lỗi liên kết về nội dung trong đoạn văn và chữa lại để đoạn văn trình bày theo cách quy nạp (chép lại đoạn văn).  c) Cho biết câu (1) và câu (2) của đoạn văn (sau khi đã chữa lỗi) được liên kết với nhau bằng phép liên kết và phương tiện liên kết nào?  **Câu 3: Hãy tìm những từ ngữ liên kết trong đoạn văn sau. Cho biết đó là phép liên kết gì?**  Bay qua khu rừng cổ sinh, chúng tôi lại tiếp tục kinh ngạc trước vẻ đẹp yên bình như chốn thần tiên. Chúng tôi đứng trước một dòng suối hiền hoà với cây cầu vồng đủ bảy sắc màu rực rỡ. Dường như cây cầu vồng ấy vĩnh viễn không bao giờ biến mất. Nhưng nó vẫn chưa kì lạ bằng hình ảnh đoàn người cá ngồi trên mỏm đá. Người chải đầu, người đọc sách, người chơi nhạc,... Họ có khuôn mặt của loài người, mỗi người một vẻ, và đặc biệt là những cái đuôi cá giống hệt như miêu tả của An-đéc-xen trong các câu chuyện cổ. Riêng chi tiết này thì không thấy Giuyn Véc-nơ nhắc tới. Có lẽ ông ta chưa từng biết tới nơi đây cũng nên! Như vậy là chúng tôi may mắn hơn vị tiểu thuyết gia đại tài đó rồi…  ***\* Gợi ý:***  **Câu 1:**  a. Các câu trong đoạn đó liên kết với nhau bằng biện pháp liên kết nào? Biện pháp đó thể hiện bằng các từ ngữ nào? Thể hiện kết quả vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Liên kết giữa các câu | Biện pháp liên kết | Từ ngữ liên kết | | Câu 1 và câu 2 |  |  | | Câu 2 và câu 3 |  |  |   b. Phân tích vai trò của các biện pháp liên kết này.  **Câu 2:**  a) Cô mang ý khái quát của đoạn văn: Chị Dậu chính là hình ảnh của người phụ nữ thương chồng, thương con, giàu lòng vị tha và đức hi sinh. (Câu 5)  b)  - Lỗi liên kết về nội dung trong đoạn văn là lỗi lô-gíc: các câu trong đoạn sắp xếp theo trật tự không hợp lý.  - Chữa lại để đoạn văn trình bày theo cách quy nạp: Sắp xếp lại trật tự các câu trong đoạn, đặt câu chủ đề cuối đoạn theo thứ tự các câu: (3)- (1)- (2)- (4)- (6)- (5)  Đoạn văn (sau khi đã sửa):  Phải bán con, chị Dậu như đứt từng khúc ruột. Gia cảnh đã đến bước đường cùng buộc chị phải làm cái việc đau lòng ấy. Xót chồng ốm đau mà bị đánh đập, cùm kẹp, chị đã lấy thân mình che chở cho chồng. Thậm chí, chị còn sẵn sàng chống lại tên cai lệ và người nhà lí trưởng để bảo vệ anh Dậu. Đến khi bị giải lên huyện, ngồi trong quán cơm, nhịn đói, chị vẫn chỉ nghĩ đến anh Dậu, đến cái Tỉu, thằng Dần, cái Tí. Chị Dậu chính là hình ảnh của người phụ nữ thương chồng, thương con, giàu lòng vị tha và đức hi sinh.  c) Câu (1) và câu (2) của đoạn văn (sau khi chữa lỗi) liên kết với nhau bằng phép thế: "cái việc đau lòng ấy" ở câu (2) thay thế cho cụm từ "Phải bán con"ở câu (1)  **Câu 3:**  **Từ ngữ có tác dụng liên kết:**  - Chúng tôi ( phép lặp)  - Ấy (phép thế), họ(phép thế), này(phép thế), ông ta(phép thế),  - Như vậy (nối) |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 3**  **Bài tập 1:** *Hãy tìm những từ ngữ liên kết trong đoạn văn sau. Cho biết đó là phép liên kết gì?*  *a*. (1)Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao.(2) Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương.(3) Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề. (4)Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu giận dữ.  *( Biển đẹp – Vũ Tú Nam )*  *b*. (1)Tre xung phong vào xe tăng đại bác.(2) Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.(3) Tre hi sinh để bảo vệ con người.(4) Tre! anh hùng lao động.(5) Tre! anh hùng chiến đấu.  *( Cây tre Việt Nam – Thép Mới)*  *c*. (1)Tôi đi đứng oai vệ.(2) Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy những khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu cho ra kiểu cách con nhà võ.(3) Tôi tợn lắm.(4) Dám cà khịa với tất cả bà con trong xóm.(5) Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhịn, không ai đáp lại cả.(6) Bởi vì quanh quẩn, ai cũng quen thuộc mình cả.(7) Không nói, có lẽ họ nễ hơn là sợ.(8) Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he.(9) Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi.(10) Những gã xốc nổi thường lầm cử chỉ ngông cuồng là tài ba.  *( Dế Mèn phiêu lưu kí – Tô Hoài )*  *d*. (1)Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn.(2) Nó vui vẻ chấp nhận cái tên tôi tặng cho và hơn thế, còn dùng để xưng hô với bạn bè.(3) Mèo rất hay lục lọi các đồ vật với một sự thích thú đến khó chịu.  *( Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh )*  *e.* Nghe chuyện Phù Ðổng Thiên Vương, tôi tưởng tượng đến một trang nam nhi, sức vóc khác người, nhưng tâm hồn còn thô sơ giản dị, như tâm hồn tất cả mọi người thời xưa. Tráng sĩ ấy gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha ra trận đem sức khỏe mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế người trai làng Phù*Ðổng*vẫn còn ăn một bữa cơm...  *(Nguyễn Ðình Thi)* **Bài tập 2:**  *Hãy phát hiện và chữa lỗi về mạch lạc trong đoạn văn sau*:  (1) Chim chóc nhiều vô kể. (2) Chào mào, sáo sậu, sáo đen…đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. (3) Vài ba con thỏ đi kiếm ăn. (4) Chúng líu lo trò chuyện, tranh cãi ồn ào mà vui không thể tưởng tượng được.  **Bài tập 3:** *Phát hiện và chữa lỗi liên kết hình thức trong đoạn văn sau*:  (1) Buổi sáng sương muối phủ trắng cành cây bãi cỏ.(2) Gió bấc hun hút thổi.(3) Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển mây mù.(4) Nhưng mây bò trên mặt đất tràn vào trong nhà, quấn lấy người đi đường.  **Gợi ý:**  **Bài tập 1:** *Từ ngữ liên kết và phép liên kết:*  a. Phép lặp : *trời*, *biển* trong các câu.  b. Phép lặp: *tre*  c.- Phép lặp: *tôi*  - phép nối:*Bởi vì* (câu 6 ); *nhưng* (câu 8); *Ấy vậy* ( câu 9 )  d. Phép thế: -*nó* (câu 2 ),*Mèo* (câu 3 ) thế cho *em gái* ( câu 1 )  e. Phép thế: *Tuy thế* **Bài tập 2:** Đoạn văn nói về các loài chim. Câu (3) nói về thú, như vậy là không hướng tới chủ đề.  Cách sửa: bỏ câu ( 3 ) hoặc thay bằng một câu khác cũng nói về loài chim.  **Bài tập 3:** Câu ( 4 ) dùng từ *nhưng* để nối ý câu ( 3 ) với câu ( 4 ) là sai vế mặt ý nghĩa. Cách sửa: bỏ từ *nhưng* |

**5. Bài tập về thuật ngữ.**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Câu 1:** Tìm hiểu nghĩa của thuật ngữ *hoa, lá* trong Sinh học. Cho biết từ *hoa lá* trong đoạn thơ sau có được dùng như một thuật ngữ hay không.  Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ  Mặt trời chân lí chói qua tim  Hồn tôi là một vườn hoa lá  Rất đậm hương và rộn tiếng chim.  (Tố Hữu, Từ ấy)  **Gợi ý:**  **Câu 1:** Tham khảo các nghĩa sau:  - Hoa: cơ quan sinh sản hữu tính của cây hạt kín, có bộ phận chủ yếu là nhị ( bộ phận đực) và nhụy ( bộ phận cái) , còn đài và tràng làm thành bao hoa che chở ở ngoài.  - Lá: cơ quan của cây mọc ở thân hoặc ở cành, thường có hình bản giẹp, màu lục, có chức năng chủ yếu trong việc chế tạo chất hữu cơ nuôi cây.  HS đối chiếu với nghĩa của các từ hoa, lá trên đây để xác định từ hoa lá trong đoạn thơ của Tố Hữu có được dùng như một thuật ngữ hay không.  **Câu 2:** Hãy kể một số thuật ngữ trong lĩnh vực tin học, văn học.  HS có thể kể một số thuật ngữ sau:  - Trong tin học: con chuột, ổ cứng, đĩa mềm, cửa sổ, virút,....  - Trong văn học: đề tài, chủ đề, nhân vật, tình huống truyện, ....... |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Bài tập 1:**  Hãy giải thích các thuật ngữ sau của phân môn Tiếng Việt: từ đơn, từ ghép, từ láy, ẩn dụ, hoán dụ.  **Bài tập 2:**  Trong các trường hợp sau, trường hợp nào *nước* được dùng với tư cách là thuật ngữ: *nước dùng, nước cứng, nước chấm, nước da , nước mềm, nước máy?*  **Bài tập 3:**  Trong các nghĩa sau của từ *cháy*, nghĩa nào là nghĩa thuật ngữ Hóa học?   1. Bén, bốc lửa thành ngọn. 2. Phản ứng tỏa nhiệt và có ánh sáng. 3. Bị thiêu hủy bằng nhiệt. 4. Bị hủy hoại trở nên sạm đen do thời tiết, khí hậu.   **Bài tập 4:**  Trong hai từ “muối” ở hai trường hợp sau, từ “ muối” nào là thuật ngữ? Giải thích nghĩa của từ ” muối” trong hai trường hợp?  **- Muối** là một hợp chất có thể hòa tan trong nước(1)  - Tay nâng đĩa **muối** chén gừng  Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau(2)  **Gợi ý trả lời:**  **Bài tập 1:**  Đọc lại các kiến thức về Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS, từ đó giải thích các thuật ngữ đã cho.  **Bài tập 2:**  Tham khảo các lời giải thích sau:  - Nước dùng: nước nấu bằng cách ninh xương, tôm, cua cùng với muối, mắm, gia vị, dùng để chan vào phở, bún.  - Nước cứng: nước có chứa nhiều ion Ca²+ , Mg²+.  - Nước chấm: nước hòa dung dịch mặn, có thêm gia vị để chấm thức ăn.  - Nước da: màu sắc của da người.  - Nước mềm: nước không chứa hoặc chứa ít ion Ca²+,Mg²+ .  - Nước máy: nước do nhà máy nước cung cấp, chảy qua đường ống, dùng trong sinh hoạt hằng ngày của nhân dân .  **Bài tập 3:** Nghĩa thứ (2)  **Bài tập 4:**  Muối(1) là một thuật ngữ, không có tính biểu cảm, không gợi thêm nghĩa nào.  Muối(2) là một từ thông thường, đứng trong tổ hợp “ gừng cay muối mặn” để gợi lên những vất vả, gian truân mà con người phải nếm trải trong đời. |

**6. Bài tập về Cước chú:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Bài tập 1: Đọc lại văn bản “ Nói với con”- Y Phương, và thống kê các cước chú trong văn bản vào bảng sau:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *STT* | *Từ ngữ được giải thích* | *Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ* | *Sự vật, hiện tượng được miêu tả, giải thích* | |  |  |  |  |   **Bài tập 2:** **Quan sát cách ghi cước chú trong văn bản “ Nói với con”, điền nội dung phù hợp vào bảng sau:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Các thành phần của cước chú | Vị trí đặt cước chú | Nội dung cước chú | Ngôn ngữ của cước chú | |  |  |  |  |   **Gợi ý:**  **Bài tập 1:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Từ ngữ được giải thích | Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ | Sự vật, hiện tượng được miêu tả, giải thích | | *1* | *Người đồng mình* | *Y Phương* | *Lờ* | | *2* | *Ken* |  | *Thung* |   **Bài tập 2:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Các thành phần của cước chú | Vị trí đặt cước chú | Nội dung cước chú | Ngôn ngữ của cước chú | | - Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích  - Tên đối tượng được chú thích  - Phần giải thích của tác giả hay người biên soạn sách | - Chân trang | - Giải thích nghĩa của từ ngữ  - Cung cấp thông tin về xuất xứ của đối tượng  - Giải thích sự vật, hiện tượng được nói tới | - Ngắn gọn, rõ ràng | |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Bài tập 1: Đọc văn bản sau và tìm nội dung em thấy cần cước chú:**  **Tôi chỉ quan niệm được một cách đi ngao du thú vị hơn đi ngựa: đó là đi bộ. Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tuỳ.**  **Ta quan sát khắp nơi; ta quay sang phải, sang trái; ta xem xét tất cả những gì thấy hay hay; ta dừng lại ở tất cả mọi khía cạnh. Tôi nhìn thấy một dòng sông ư, tôi đi men theo sông; một khu rừng rậm ư, tôi đi vào dưới bóng cây; một hang động ư, tôi đến tham quan; một mỏ đá ư, tôi xem xét các khoáng sản. Bất cứ đâu tôi ưa thích, tôi lưu lại đấy. Hễ lúc nào tôi thấy chán, tôi bỏ đi luôn. Tôi chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm. Tôi chẳng cần chọn những lối đi có sẵn hay những con đường thuận tiện; tôi đi qua bất cứ nơi nào con người có thể đi qua; tôi xem tất cả những gì mà con người có thể xem; và, chỉ phụ thuộc vào bản thân tôi, tôi hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ. Nếu do thời tiết xấu không đi bộ được mà thấy chán rồi, lúc đó tôi đi ngựa. Nếu tôi mệt... nhưng Ê-min có mệt gì lắm đâu; em to khoẻ; và sao em lại mệt được cơ chứ, em chẳng hề vội vã. Nếu em dừng lại, làm sao em có thể chán được, ở chốn nào em cũng có những thứ để giải trí. Em vào nhà một người thợ, em làm việc; em vận động hai cánh tay để cho đôi bàn chân nghỉ ngơi.**  **Bài tập 2:** Trình bày cách ghi cước chú cho những nội dung em vừa chọn ở bài tập 1.  **Bài tập 3:** Viết một đoạn văn ngắn (5-7 câu) nêu cảm nhận của em sau khi học xong văn bản “Thủy tiên tháng Một”, trong đó có sử dụng cước chú.  **Gợi ý:**  **Bài tập 1: Những nội dung cần cước chú: ngao du, tham quan, khoáng sản, phụ trạm.**  **Bài tập 2:**  (1) Ngao du : đi dạo chơi đó đây (ngao : rong chơi ; du : đi chơi).  (2) Tham quan : đi đến nơi nào đó để xem xét, mở mang hiểu biết.  (3) Khoáng sản : sản vật khai thác từ các mỏ ở dưới lòng đất.  (4) Phu trạm : ở đây là người điều khiển xe ngựa chạy từng trạm đường, phương tiện đi lại phổ biến ở Pháp nói riêng và ở nhiều nước châu Âu nói chung hồi thế kỉ XVIII.  **Bài tập 3:**  Tác phẩm *Thủy tiên tháng Một* được trích trong cuốn sách *Nóng, Phẳng, Chật* của tác giả Thô-mát L Phrit-man đã cho em thêm rất nhiều hiểu biết về tình hình trái đất của chúng ta hiện nay. Văn bản viết về hiện tượng biến đổi khí hậu(1) trên thế giới. Theo Hân-tơ Lo-vin(2), đây không còn là “sự nóng lên của Trái Đất” nữa mà nó còn là “sự bất thường của Trái Đất”, khi nhiệt độ trung bình toàn Trái Đất tăng lên thực sự sẽ dẫn đế khác hiện tượng bất thường khác. Thậm chí, do nhiệt độ trung bình tăng nên lượng nước bốc hơi sẽ nhiều hơn dẫn tới một vài nơi khô sẽ càng khô hơn, nơi hay mưa sẽ mưa nhiều hơn, đến mức thời tiết có thể trở nên giống như trong truyện viễn tưởng. Tình trạng này đang trở nên báo động trên thế giới. Văn bản tập trung đưa tới những thông tin nhằm thuyết phục người đọc rằng Trái Đất hội đủ điều kiện để sự sống nảy sinh, phát triển và sự thực, sự sống đã nảy nở hết sức đa dạng. Bên cạnh đó văn bản cũng nhằm tới mục tiêu tác động vào độc giả, nâng cao ý thức của mỗi người trước trách nhiệm bảo vệ “ngôi nhà chung”. Em mong rằng mỗi người sẽ nhận thức rõ về vấn đề này và cùng có trách nhiệm bảo vệ trái đất thân yêu.  **Cước chú:**  (1) Biến đổi khí hậu: là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển, băng quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định.  (2) Hân-tơ Lo-vin(Hunter Lovins): nhà môi trường Mỹ, là chủ tịch và người sáng lập của tổ chức Những giải pháp chủ nghĩa tư bản tự nhiên (Natural Capitalism Solutions), là tác giả hàng đầu về phát triển bền vững. |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 3**  **Bài tập 1: Đọc đoạn trích sau và cho biết, việc Thô-mát L. Phrít-man cung cấp thông tin về tài liệu tham khảo được thực hiện như thế nào trong đoạn trích?**  **X**u hướng các hiện tượng thời tiết vốn cực đoan ngày càng cực đoan hơn vẫn tiếp tục cho đến tận mùa hè năm 2008. Những cơn mưa lớn chưa từng thấy ở bang Ai-o-oa (Iowa) khiến sông Xi-đa (Cedar) tràn bờ và trung tâm thành phố Xi-đa Ra-pít (Cedar Rapids) bị lụt. Mực nước sông cao hơn mặt nước biển đến 9,1 m, cao chưa từng thấy và không ai có thể nghĩ nước lên đến mức ấy. Báo Niu I-oóc Thai-mơ (New York Times) (ngày 13/6/2008) có một câu mô tả chính xác tình trạng bất thường của Trái Đất mà người Ai-o-oa hẳn đang cảm thấy: “Giép Doóc (Jeff Zogg), nhà thuỷ văn học đang làm việc cho Trung tâm Thời tiết ở Đa-vin-pót (Davenport), Ai-o-oa nói: “Thường khi phá kỉ lục, bạn chỉ có thể vượt qua mức cũ 2,5 đến 5 cm. Nhưng hơn kỉ lục cũ tận 1,8 m thì quá sức ngạc nhiên”.  **Bài tập 2:** Cho các yếu tố Hán Việt sau đây: hóa , tái ,tính, em hãy tạo ra các từ Hán Việt bằng cách ghép thêm các yếu tố khác (càng nhiều càng tốt) rồi giải thích nghĩa của các từ mới tạo.  **Bài tập 3:**  Căn cứ vào nghĩa của các yếu tố Hán Việt, hãy chia các từ sau thành nhóm thích hợp: xâm phạm, sơn hà, mẫu tử, thi sĩ, hải cẩu, bạch vân, phu thê, sinh tử.  **Bài tập 4:**  Có bạn giải thích nghĩa của từ yếu điểm là "*điểm chưa tốt, dưới trung bình, cần phải khắc phục".*  Theo em, giải thích như thế đúng hay sai ? Tại sao ?  **Gợi ý:**  **Bài tập 1: - Đặt trong dấu ngoặc kép đoạn trích dẫn nguyên văn một ý kiến, nhận định nào đó.**  **Bài tập 2:**  Ta có: vôi hóa, Việt hóa, vô sản hóa,...; tái tập, tái chiếm, tái phạm, tái định cư,...; đơn tính, nữ tính, đồng tính, thuộc tính,...từ đây em tiếp tục ghép các yếu tố để tạo từ và giải thích ý nghĩa của chúng.  **Bài tập 3:**  - Từ ghép đẳng lập: xâm phạm, sơn hà, mẫu tử, phu thê, sinh tử.  - Từ ghép chính phụ: thi sĩ, hải cẩu, bạch vân.  **Bài tập 4:**  Yếu điểm: điểm quan trọng. Bạn giải thích như vậy là chưa đúng |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 5**  **Bài tập 1:**  - Tìm nghĩa của từ “đồng” trong nhóm từ sau: đồng nghiệp, đồng môn, đồng hương, đồng niên  - Tìm nghĩa của từ “mĩ” trong nhóm từ sau: hoa mĩ, mĩ lệ, mĩ thuật, hoàn mĩ  - Tìm nghĩa của từ “thi” trong nhóm từ: thi gia, thi nhân, đường thi, cổ thi  **Bài tập 2:**  Điền các từ ngữ Hán Việt: **thành tích, thành tựu, thành quả, hiệu quả, kết quả, nguyện vọng, hi vọng** vào chỗ trống trong các câu sau cho thích hợp :  a. Nhân **dân** ta **đã** đạt được nhiều…………trong công cuộc **xây dựng** chủ nghĩa **xã** hội.  b. Nhà **trường** đã khen **thưởng** các em học **sinh** có…………..học tập **tốt.**  c. Nhân dân Việt Nam kiên quyết bảo vệ các ………… của cách mạng.  d. Chúng tôi **đã** dùng nhiều biện pháp kĩ thuật **đối** với **khu đất** này, nhưng đến nay vẫn **chưa có**………  e. Có chăm chỉ học tập thì ……… …….học **tập mới** cao.  g. **Bác** Hồ suốt **đời** ôm ấp một…..... là nước nhà **được độc** lập, thống nhất, **nhân dân được no ấm, tự do.**  h. Con ngoan ngoãn, chăm chỉ, mẹ………..nhiều ở con.  **Bài tập 3:** Tìm và giải thích nghĩa của các từ Hán Việt có trong đoạn trích dưới đây, và xác định sắc thái nghĩa của chúng.  *Thái bình tu trí lực*  *Vạn cổ thử giang san*  **Gợi ý:**  **Bài tập 1:**  - Tìm nghĩa của từ “đồng” trong nhóm từ sau: đồng nghiệp, đồng môn, đồng hương, đồng niên  - Tìm nghĩa của từ “mĩ” trong nhóm từ sau: hoa mĩ, mĩ lệ, mĩ thuật, hoàn mĩ  - Tìm nghĩa của từ “thi” trong nhóm từ: thi gia, thi nhân, đường thi, cổ thi  - Từ “đồng” mang nghĩa cùng  - Từ “mĩ” mang nghĩa đẹp  - Từ “thi” mang nghĩa thơ  **Bài tập 2:**  *HS tìm hiểu nghĩa của các từ : thành tích, thành tựu, thành quả, hiệu quả*, *kết quả, nguyện vọng, hi vọng* (nên dựa vào các từ điển để tìm hiểu cho chính xác).Tham khảo cách giải nghĩa sau :  - Thành tích : kết quả được đánh giá là tốt do nỗ lực mà đạt được: Thành tích công tác.  - Thành tựu : cái đạt được có ý nghĩa lớn sau một quá trình hoạt động thành công: Thành tựu khoa học.  - Hiệu quả: kết quả như yêu cầu của việc làm mang lại. Hiệu quả kinh tế.  - Thành quả: kết quả quý giá đạt được của cả một quá trình hoạt động, đấu tranh: Thành quả cách mạng.  - Kết quả: cái đạt được, thu được trong một công việc hoặc một quá trình tiến triển sư việc: Kết quả học tập.  *- Nguyện vọng: điều mong muốn:Nguyện vọng chính đáng.*  *- Hi vọng: tin tưỏng và mong chờ. Hi vọng có ngày gặp lại.*  Sau khi tìm hiểu nghĩa của từng từ, HS tự điền vào chỗ trống cho thích hợp.  **Bài tập 3:**  Nghĩa từ *thái bình*: (đất nước, đời sống) yên ổn, êm ấm, không có loạn lạc, chiến tranh.  Nghĩa từ *trí lực*: năng lực về trí tuệ  Nghĩa từ *giang san*: chỉ đất nước, quốc gia, dân tộc  Các từ Hán Việt ở trên đều có nghĩa trang trọng, với ý nghĩa tích cực |